WORLDSOFT SOFTWARE SOLUTION

Hệ thống Quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp (ERP) là gì?

WORLDSOFT®

- ERP = Enterprise Resource Planning (Quản trị nguồn lực doanh nghiệp.
- ERP là một hệ thống quản trị bao gồm một bộ tổng hợp các phân hệ “Modules” phần mềm phục vụ các quy trình giao dịch và quản trị của một doanh nghiệp.
- ERP cung cấp một phương pháp có tổ chức nhằm tối đa hóa hoạt động của một doanh nghiệp thông qua việc trao đổi và chia sẻ dữ liệu chung một cách hợp lý và an toàn.

Vì sao chọn Worldsoft?

- Chúng tôi hướng tới chất lượng trong bất cứ lĩnh vực hoạt động nào, cho dù là những ứng dụng chạy trên web nhỏ nhất, đến những phần mềm ứng dụng các thuật toán phức tạp cho các giải pháp phức tạp hay tích hợp đa phân hệ trong công tác kinh doanh cũng như dự đoán giá chứng khoán.

- Mọi khâu vận hành của sản phẩm đều được thiết kế dựa trên những đặc tả cụ thể và được giám sát chặt chẽ để có thể đảm bảo mọi giải pháp tới tay khách hàng đều mang chất lượng cao nhất và giá thành thấp nhất có thể.

- Chúng tôi cung cấp các sản phẩm phần mềm với những giải pháp có tính tin cậy cao và chất lượng cao nhất.

- Worldsoft được coi là một trong những nhà cung cấp phần mềm hàng đầu, nơi kết hợp sức mạnh của công nghệ tối tân và những hiểu biết thấu đáo về môi trường kinh doanh cũng như văn hoá làm việc đặc thù của Việt Nam.

Thách thức của Công ty SGM khi chưa có hệ thống quản lý

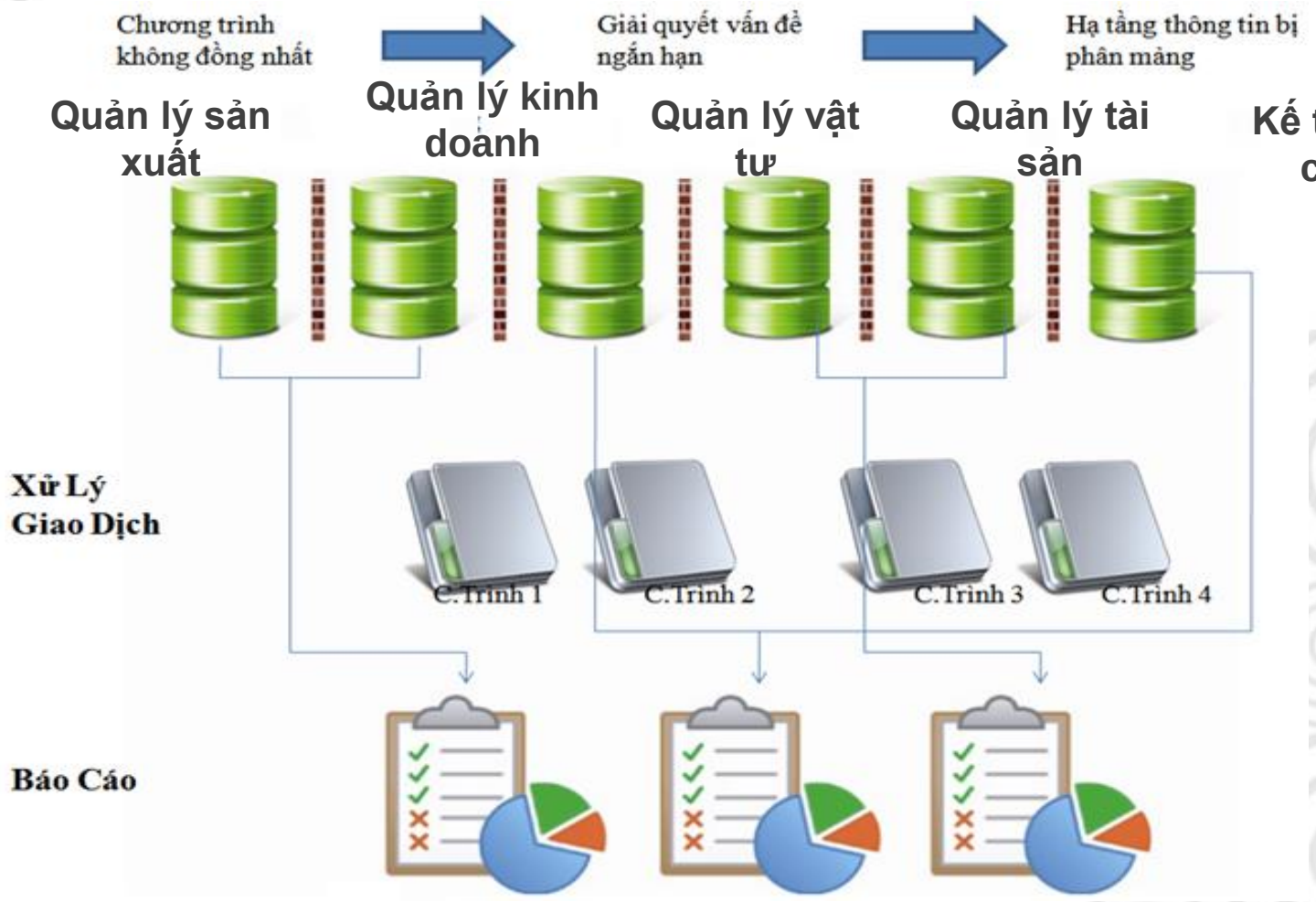

Báo cáo sản xuất

Báo cáo tài chính

Báo cáo …….

Thách thức của Công ty SGM khi chưa có hệ thống quản lý

Khó nắm bắt thông tin kịp thời và chính xác.

Khó khăn trong kết nối và chia sẻ số liệu giữa các phòng ban.

Các hoạt động quản lý sản xuất và kinh doanh không được thực hiện theo dõi sát sao, chính xác và kịp thời .

Hoạt động cung ứng và quản lý kho mất rất nhiều thời gian .

Tiến độ giao hàng thường xuyên bị chậm .

Mục tiêu ứng dụng Hệ thống ERP

WORLDSOFT®

Mục tiêu ứng dụng Hệ thống ERP

WORLDSOFT®

Các quy trình hoạt động kinh doanh

+

Hệ thống phần mềm đa chức năng

→

Một bức tranh chung toàn cảnh về hoạt động của SGM

Thông tin nhất quán và sẵn sàng giúp đưa ra quyết định, đánh giá hoạt động kịp thời và hiệu quả.

Thông tin chung được chia sẻ trong toàn hệ thống.

Mục tiêu ứng dụng Hệ thống ERP

WORLDSOFT®

Nâng cao hiệu quả công việc-Cho phép SGM thực hiện được nhiều công việc hơn, nhanh hơn với cùng nguồn lực

Quy trình đơn giản,nhanh hơn-Đảm bảo nâng cao tính hiệu quả của các nhân viên các phòng ban.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Giảm chi phí doanh nghiệp.

Cải thiện tính chính xác của dữ liệu .

ERP Production

WORLDSOFT®

Quản lý kinh doanh (Sales oppotunity)

- Dữ liệu khách hàng & nhu cầu khách hàng
- Bảng giá sản phẩm chuẩn
- Báo giá và đơn hàng
- Quy trình giao hàng
- Quy trifnh chăm sóc khách hàng

Quản lý sản xuất (Production management)

- Tạo B.O.M
- Quy trình hoạch định cung ứng & sản xuất
- Quy trình sản xuất gia công
- Tối ưu hóa

Quản lý cung ứng vật tư (Procurement

- Hoạch định nhu cầu và kế hoạch cung ứng (procurement plan)
- Tối ưu hóa mua hàng (sourcing optimization)
- Quản lý dữ liệu nhà cung cấp (Supplier databas
- Hợp đồng & Đơn hàng vật tư (Purchase order)
- Quy trình thanh toán đơn hàng (PO payment process)

Quản lý tài sản-thiết bị (Asset management)

- Quản lý tài sản thiết bị (Asset)
- Hoạch định nhu cầu và kế hoạch cung ứng (Procurement plan)
- Tối ưu hóa năng lực hoạt động của thiết bị.
- Bảo trì & sửa chữa TSTB (Asset maintenance)

Quản lý kế toán-tài chính (Accounting-Finance)

- Quy trình thanh toán (payment processing)
- Kế toán TSCĐ/CCDC
- Tổng hợp chi phí,tính giá thành theo dự án (project costing)
- Báo cáo kế toán quản trị (management report)

Quản lý kho (Inventory)

- Nhập –Xuất –Tồn kho (inventory)
- Điều chuyển vật tư và thiết bị (materials transfer)

Quy trình Kinh doanh-Sản xuất-Cung ứng

WORLDSOFT®

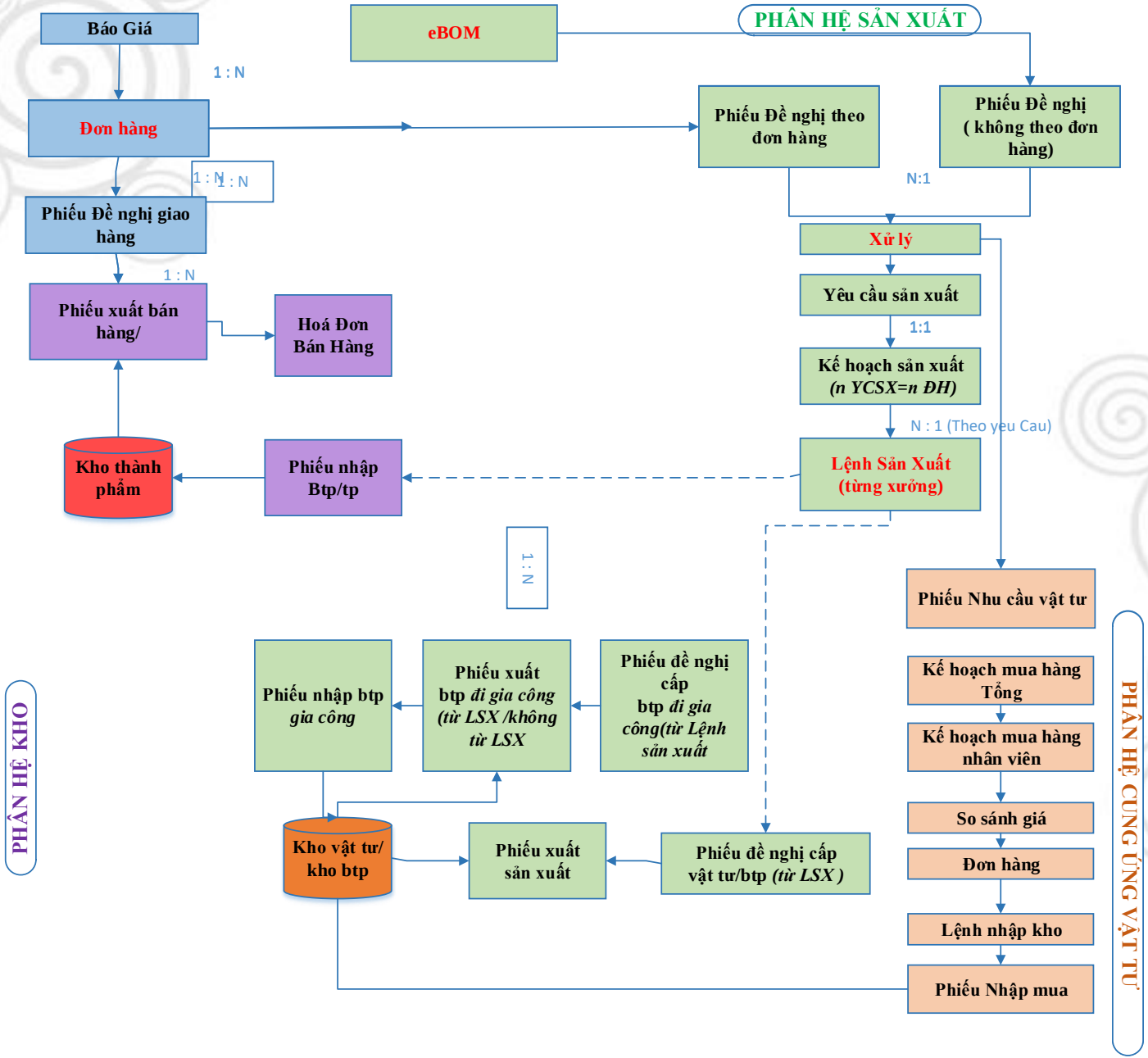

Hiệu quả đem lại

WORLDSOFT®

- Tích hợp sẵn những quy trình quản lý tiên tiến, chuẩn mực, chuyên sâu và phù hợp ngành, phù hợp xu hướng ngành
- Lĩnh hội những kiến thức tiên tiến từ thế giới giúp doanh nghiệp thúc đẩy cho sự phát triển vượt bậc và bền vững

- Dễ dàng mở rộng và áp dụng cho các đơn vị mới
- Cùng văn hóa làm việc và quản trị

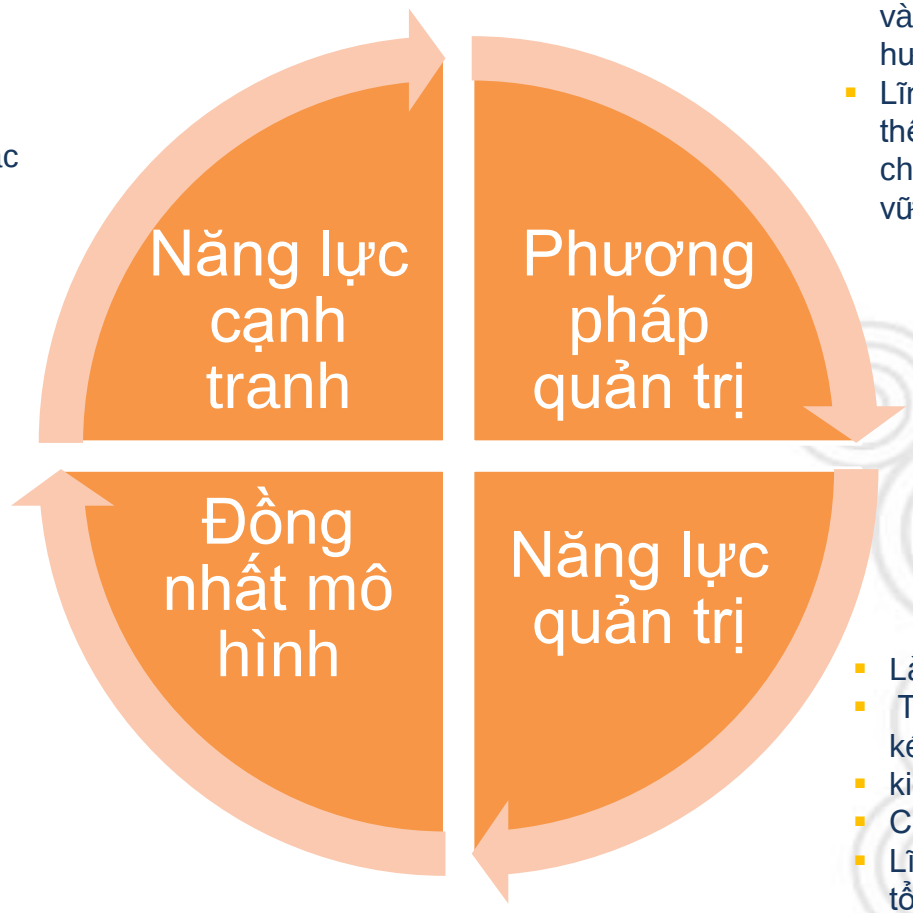

Dễ dàng **mở rộng** và áp dụng cho các Công ty con
Cùng văn hóa làm việc và quản trị

- Làm việc có quy trình và tuân thủ
- Thừa hưởng kết quả, không trùng lắp, kéo đẩy và
- kiểm soát chéo.
- Chuẩn hóa quy trình và số liệu
- Lĩnh hội và nâng cao năng lực cá nhân, tổ chức
- Nâng cao chất lượng dịch vụ cho: khách hàng,
- nhân viên

Công nghệ hiện đại

WORLDSOFT®

- Every time,every where
- Multi platform
- Multi business units
- Saving license cost of window server and CAL

Show 10 entries Search:

	STT	Mã quy trình	Tên quy trình	Tên Loại quy trình	Tên công việc	Số bước	Mô tả	Trạng thái	
	4	QT1708-006	Qui trình đơn hàng bán - Anh Tuấn	KINH DOANH	Đơn hàng/Hợp đồng(Kinh doanh - KDSXDonHang)	1	Qui trình SGM	Sử dụng	Chức năng
	5	QT1708-007	Qui trình phiếu xuất bán hàng	KINH DOANH	Phiếu xuất bán hàng(Xuất sản xuất - SXPhieuXuatBanHang)	1		Sử dụng	Chức năng
	6	QT1708-008	SGM - Phiếu đề nghị - Nhật Anh	SẢN XUẤT	Phiếu đề nghị (Kế hoạch sản xuất - SXPhieuDeNghiSanXuat)	2		Sử dụng	Chức năng

Mã quy trình	QT1708-008	Tên quy trình	SGM - Phiếu đề nghị - Nhật Anh
Loại quy trình	SẢN XUẤT	Công ty *	HCM-SGM-TT
Tên công việc	Phiếu đề nghị(Kế hoạch Sản xuất - SXPhieuDeNghiSanXuat)		
Mặc định	✔	Rows	2
Mô tả			

STT	Bước số	Tên bước	Người thực hiện	Chức vụ	Thời hạn(h)	Ghi chú
1	1	Người duyệt 1	Võ Nhật Anh	Nhân viên kỹ thuật	8	
2	2	Người duyệt 2	Nguyễn Văn Trực	Trưởng phòng vật tư	8	

Phân hệ kinh doanh

WORLDSOFT®

Báo giá, Đơn hàng

Thông tin chung

Công ty	SGM-SGM	Mã số thuế	0302636521
Hình thức bán hàng *	Trong nước	Khu vực *	Hải Dương
Mã đơn hàng/hợp đồng	11-KDDH1711-007	Số đơn hàng/hợp đồng *	11-KDDH1711-007
Số phiếu báo giá	320/KD2/SGM/2017	Ngày ký *	
Người lập	Worldsoft3	Ngày lập	24/11/2017
Người liên hệ với khách hàng	Nguyễn Thị Phương Thảo	Chức vụ người liên hệ với khách hàng	Nhân viên kinh doanh
Người ký đơn hàng/hợp đồng*	Nguyễn Thị Phương Thảo	Chức vụ người ký	Nhân viên kinh doanh
Ngân hàng	Ngân Hàng ACB - CN Phú Lâm	Số tài khoản	9704439

Thông tin khách hàng

Khách hàng *	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Anh Việt	Mã số thuế	0200805763
Người đại diện		Chức vụ	
Địa chỉ	Km 42, Quốc Lộ 10, Xã Đại Thắng, Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng	Email	
Số điện thoại		Fax	0225 3582 005
Ngân hàng		Số tài khoản	

Thông tin khách hàng

Khách hàng *	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Anh Việt	Mã số thuế	0200805763
Người đại diện		Chức vụ	
Địa chỉ	Km 42, Quốc Lộ 10, Xã Đại Thắng, Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng	Email	
Số điện thoại		Fax	0225 3582 005
Ngân hàng		Số tài khoản	

Thông tin chi tiết

Đơn vị tiền *	VNĐ	Tỷ giá	1
Ngày đặt hàng *		Ngày kiểm hàng	
Phương thức thanh toán *	Chuyển khoản	Thành tiền trước thuế	616,000,000
Số ngày dự kiến giao (ngày) *		Số tiền chiết khấu	0
Ngày dự kiến giao*		Thành tiền sau chiết khấu	616,000,000
Tỷ lệ tạm ứng	30	Tiền thuế	61,600,000
Revised		Thành tiền sau thuế	677,600,000

Phân hệ kinh doanh

WORLDSOFT®

Báo giá-Đơn hàng

Sản phẩm | Chi tiết phụ kiện | Lịch thanh toán

+ Thêm

Tổng cộng: 616,000,000 | 0 | 616,000,000

STT	Mã/Tên	Yêu cầu kĩ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền trước thuế	Chiết khấu%	Số tiền chiết khấu	Thành tiền sau chiết khấu	Đơn giá c
1	0000002642 (Thành phẩm) Máy cán TV- V40 Chạy thủy lực SGM-TN		Cái	1	297,000,000	297,000,000	0	0	297,000,000	
2	0000002469 (Thành phẩm) Máy cán C73 x 38 x 40 x 10 (W162mm) C162 SGM-TN BM		Cái	1	319,000,000	319,000,000	0	0	319,000,000	
3	0000002445 (Thành phẩm) Bộ đột lỗ 14*25 C300 SGM-TN		Bộ	0	0	0	0	0	0	
4	0000002446 (Thành phẩm) Bộ đột lỗ 14*25 Z300 SGM-TN		Bộ	0	0	0	0	0	0	

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Tạo/Import BOM nhiều tầng

STT		Mã	Tên	Parent	Thuộc tính	Diễn giải	Nhóm in	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị tính quy đổi	Số lượng	File đính kèm	Ghi chú
1		0000002625	MÁY CÁN TÔN DẬP VÒM 2 TẦNG 11SV 2R H17.8 C60, 13SLP H9 (22-22CT)		Thành phẩm	Gia công		Cái	1.00		1.00		
1_1		0000004772	Dầm trên [237x206x1252]	(1) 0000002625: MÁY CÁN TÔN DẬP VÒM 2 TẦNG 11SV 2R H17.8 C60, 13SLP H9 (22-22CT) 1.00 Cái	Bán thành phẩm			Cái	1.00	kg	1.00		
1_1_1		0000004728	Tôn 35li x210x1256	(1) 0000002625: MÁY CÁN TÔN DẬP VÒM 2 TẦNG 11SV 2R H17.8 C60, 13SLP H9 (22-22CT) 1.00 Cái (1_1) 0000004772: Dầm trên [237x206x1252] 1.00 Cái	Bán thành phẩm			Tấm	1.00	kg	72.47		
1_1_2		0000004729	Tôn 18li x205x1220 (cắt hình)	(1) 0000002625: MÁY CÁN TÔN DẬP VÒM 2 TẦNG 11SV 2R H17.8 C60, 13SLP H9 (22-22CT) 1.00 Cái (1_1) 0000004772: Dầm trên [237x206x1252] 1.00 Cái	Bán thành phẩm			Tấm	2.00	kg	64.58		Có bản vẽ 5/149
1_1_3		0000004730	Tôn 12li x156x180 (cắt hình)	(1) 0000002625: MÁY CÁN TÔN DẬP VÒM 2 TẦNG 11SV 2R H17.8 C60, 13SLP H9 (22-22CT) 1.00 Cái	Bán thành			Tấm	1.00	kg	2.60		Có bản vẽ

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Lập phiếu đề nghị (work order)theo đơn hàng bán gồm

- Phiếu đề nghị bán thành phẩm
- Phiếu đề nghị lắp ráp thành phẩm
- Phiếu đề nghị nguyên vật liệu

Chỉnh sửa

Thông tin phiếu | File upload | Workflow | Print

Công ty *	HCM-SGM-TT	Loại đề nghị *	Sản Xuất
Mã phiếu	11-DNSX1803-005	Số phiếu *	11-DNSX1803-005
Nguồn *	Đơn hàng	Đơn hàng	11-KDDH1803-005
Người lập *	Worldsoft3	Ngày lập	22/03/2018
Bộ phận đề nghị *	BP kế hoạch	Người đề nghị *	Lê Thị Thủy
Nội dung ***	De nghi san xuat va cung ung		

	STT	Mã/ Tên	Đơn vị tính	Đề nghị			
				SL đơn hàng	SL lũy kế	SL đề nghị	Từ ngày
	1	10101000008600120023 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li x180x245	Tấm	400	0	200	22/03/2018
	2	10101000008600120027 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li Ø160xØ100-Tấm chắn lưới	Tấm	400	0	200	22/03/2018
	3	63601000208400010000 (Vật tư) Mỡ bò tốt Thuận Phát VN (loại chịu nhiệt)	kg	200	0	50	22/03/2018
	4	63704000000011010000 (Thiết bị) Keo dán ron 1101	chai	100	0	50	22/03/2018
	5	63801000000000000000 (Thiết bị) Chỉ màu trắng	cuộn	100	0	50	22/03/2018

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Hoạch định cung ứng- sản xuất để tổng hợp các mặt hàng cần sản xuất và đi mua
Dựa theo e.BOM, hệ thống sẽ tự động phân rã nguyên vật liệu, bán thành phẩm để sản xuất/mua theo work order

THÔNG TIN CHUNG

Công ty:	SGM-TT	Nguồn:	Đơn hàng bán ra
Mã phiếu:	11-XLDH1803-005	Số phiếu:	11-XLDH1803-005
Người lập:	Worldsoft3	Ngày lập:	22/03/2018
Trạng thái phiếu:	Đang xử lý		
Nội dung:			

Phiếu đề nghị

STT	Số phiếu đề nghị sản xuất	Nội dung	Số đơn hàng	Người lập	Từ ngày	Đến ngày
1	11-DNSX1803-005	De nghi san xuat va cung ung	11-KDDH1803-005	Worldsoft3	22/03/2018	22/03/2018

Yêu cầu sản xuất

STT	Nội dung	Số yêu cầu sản xuất	Số phiếu đề nghị sản xuất	Số đơn hàng	Người lập	Ngày lập
1	De nghi san xuat va cung ung	11-YCSX1803-004	11-DNSX1803-005	11-KDDH1803-005	Nguyễn Văn Trực	22/03/2018

Phiếu nhu cầu

STT	Nội dung	Số phiếu nhu cầu	Nguồn	Người lập	Ngày lập
1	De nghi san xuat va cung ung	11-VTSX1803-008	Trong xử lý	Nguyễn Văn Trực	22/03/2018

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Từ Phiếu đề nghị lập hoạch định cung ứng- sản xuất

Hoạch định cung ứng- sản xuất để tổng hợp các mặt hàng cần sản xuất và đi mua
Dựa theo e.BOM, hệ thống sẽ tự động phân rã nguyên vật liệu, bán thành phẩm để sản xuất/mua theo work order

STT	Mã / Tên	Đơn vị tính	Định mức	Tổng số lượng		Phiếu đề nghị 11-DNSX1803-005 Đơn hàng 11-KDDH1803-005 22/03/2018 - 22/03/2018			
				Nhu cầu	Tồn kho	Nhu cầu	Xuất kho	Sản xuất	Mua mới
1	10101000008600120023 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li x180x245	Tấm	1	Nhu cầu: 200 Đã hoạch định : 200	Tồn TT: 0 Đa dùng: 0 Còn lại: 0	Nhu cầu: 200 Đã hoạch định: 200	0	200	
						22/03/18 - 22/03/18			
2	10101000008600120027 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li Ø160xØ100-Tấm chắn lưới	Tấm	1	Nhu cầu: 200 Đã hoạch định : 200	Tồn TT: 0 Đa dùng: 0 Còn lại: 0	Nhu cầu: 200 Đã hoạch định: 200	0	200	
						22/03/18 - 22/03/18			
3	63601000208400010000 (Vật tư) Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại chịu nhiệt)	kg	1	Nhu cầu: 50 Đã hoạch định : 50	Tồn TT: 0 Đa dùng: 0 Còn lại: 0	Nhu cầu: 50 Đã hoạch định: 50	0	0	5
						22/03/18 - 22/03/18			

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Nguyên vật liệu/btp cần mua ngoài

Chi tiết

Tổng quan | Chi tiết hoạch định | Tổng hợp các mặt hàng cần cung ứng | Workflow

Tìm | Tìm sản phẩm

STT	Mã	Tên	Thuộc tính	Đơn vị tính	Tổng số nhu cầu	Xuất kho	Mua mới
1	63601000208400010000	Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại chịu nhiệt)	Vật tư	kg	50	0	50
2	63704000000011010000	Keo dán ron 1101	Thiết bị	chai	50	0	50
3	63801000000000000000	Chỉ màu trắng	Thiết bị	cuộn	50	0	50

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Hoạch định cung ứng- sản xuất sẽ tạo ra :

1. Yêu cầu sản xuất

Pre — Hoạch định cung ứng & sản xuất

Kế hoạch Sản xuất > Yêu cầu sản xuất

Next — Kế hoạch sản xuất

HELP

Chi tiết

Thông tin phiếu | Print

Công ty	HCM-SGM-TT		
Số phiếu	11-YCSX1803-004	Mã phiếu	11-YCSX1803-004
Số hoạch định	11-XLDH1803-005	Đơn hàng	11-KDDH1803-005
Người lập	Nguyễn Văn Trực	Ngày lập	22/03/2018
Nội dung ***	De nghi san xuat va cung ung		

Tổng hợp

STT	Mã/ Tên	Đơn vị tính	SL sản xuất
1	10101000008600120023 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li x180x245	Tấm	200
2	10101000008600120027 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li Ø160xØ100-Tấm chắn lưới	Tấm	200

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Từ các yêu cầu sản xuất theo từng đơn hang, bộ phận KHSX sẽ tạo Kế hoạch sản xuất

Thông tin phiếu | File Upload | Work flow | Print

Công ty	SGM-SGM	Loại kế hoạch	Tuần
Mã kế hoạch	11-KHSX1712-002	Số kế hoạch *	11-KHSX1712-002
Người lập	Worldsoft3	Ngày lập *	08/12/2017
Ngày dự kiến bắt đầu *	08/12/2017	Ngày dự kiến kết thúc *	15/12/2017
Nội dung ***	1		

Chi tiết yêu cầu sản xuất

STT	Số yêu cầu sản xuất	Đơn hàng/ Hợp đồng	Mã/Tên	ĐVT	SL cần sản xuất	SL lũy kế	SL cần sản xuất đợt này	Ghi chú ****
1	11-YCSX1712-002	11-KDDH1712-001						
1.1			0000003868 (Bán thành phẩm) MCT1T-Nẹp gang [16x40x400]	Cái	8	0	8	
1.2			0000003873 (Bán thành phẩm) MCT-Gối trái eke [70x70x180]	Cái	4	0	4	
1.3			0000003874 (Bán thành phẩm) MCT-Gối phải eke [70x70x180]	Cái	4	0	4	
1.4			0000003877 (Bán thành phẩm) MCT-Bát đạp eke [20x70x100]	Cái	8	0	8	

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Từ Kế hoạch sản xuất cho nhiều đơn hang, bộ phận KH SX tách riêng các lệnh sản xuất theo thời gian cụ thể

Thêm mới

Thông tin phiếu | File Upload

Công ty	HCM-SGM-TT	Loại kế hoạch	Tuần
Mã kế hoạch	11-KHSX1803-003	Số kế hoạch *	11-KHSX1803-003
Người lập	Nguyễn Văn Trực	Ngày lập *	22/03/2018
Ngày dự kiến bắt đầu *	22/03/2018	Ngày dự kiến kết thức *	29/03/2018
Nội dung ***			

Chi tiết yêu cầu sản xuất

+ Thêm

	STT	Số yêu cầu sản xuất	Đơn hàng / (Hợp đồng)	Mã/ Tên	Đơn vị tính	SL cần xuất đợt này	SL lũy kế	SL cần sản xuất đợt này	Ghi chú****
	1	11-YCSX1803-004	11-KDDH1803-005						
	1.1			10101000008600120023 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li x180x245	Tấm	200	0	200	
	1.2			10101000008600120027 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li Ø160xØ100-Tấm chắn lưới	Tấm	200	0	200	

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Từ Kế hoạch sản xuất cho nhiều đơn hang, bộ phận KH SX tách riêng các lệnh sản xuất theo thời gian cụ thể

01/01/2018 | 31/03/2018

Hôm nay | 7 ngày trước | 30 ngày trước

Tìm kiếm | Chức năng

Show 10 entries | Search: Mã lệnh sản xuất/ Số kế hoạch/ Số đơn hàng/ Nội dung

	STT	Mã lệnh sản xuất	Nội dung	Tên xưởng	Số kế hoạch	Đơn hàng / Hợp đồng	Công ty	Người lập)	Ngày dự kiến hoàn thành	Trạng thái	Bị đóng	Lý do	
	1	11-LSX1803-002	Lap rap máy cán tôn	Xưởng Tân Tạo	11-KHSX1803-002	11-KDDH1803-007	SGM-TT	Worldsoft3	29/03/2018	Bắt đầu quy trình	Không		Chức năng
	2	11-LSX1803-001	Lắp ráp máy	Xưởng Tân Tạo	11-KHSX1803-001	11-KDDH1803-007	SGM-TT	Worldsoft3	29/03/2018	Phiếu đã được xác nhận	Không		Chức năng

Thông tin phiếu | File Upload | Workflow | Print | Print tiến độ gia công | Print lệnh cập nhật tiến độ

Công ty	HCM-SGM-TT	Đơn hàng *	11-KDDH1803-007
Mã phiếu	11-LSX1803-001	Số phiếu	11-LSX1803-001
Số lập kế hoạc sản xuất *	11-KHSX1803-001	Phiếu đề nghị *	11-DNSX1803-001
Người lập	Worldsoft3	Ngày lập	22/03/2018
Xưởng*	Xưởng Tân Tạo	Nhóm*	Phân xưởng Cán tôn, Dập vòm TT-1 (Lô 33-2)
Ngày dự kiến hoàn thành *	29/03/2018		
Nội dung ***	Lắp ráp máy		

Chi tiết

STT	Mã/ Tên	Đơn vị tính	SL kế hoạch	SL lũy kế	SL	Ghi chú ****
1	00101000108412000162 (Thành phẩm) MÁY CÁN TÔN 1 TẦNG SGM VN K1200MM 5SV-1R-1000-H31.5-1LP27-20CT LM	Cái	1	0	1	

Phân hệ kế hoạch sản xuất

WORLDSOFT®

Từ Lệnh sản xuất : BP sản xuất lập Đề nghị cấp nvl để sản xuất btp, đề nghị cấp btp để lắp ráp thành phẩm

Pre — Lệnh sản xuất | Lệnh nhập/xuất > Đề nghị cấp vật tư/btp cho sản xuất | Next — Phiếu xuất sản xuất | HELP

Thêm mới

Thông tin phiếu | File Upload

Công ty	HCM-SGM-TT		
Mã phiếu	11-DNVT1803-004	Số phiếu	11-DNVT1803-004
Người lập	Worldsoft3	Ngày lập	22/03/2018
Số lệnh sản xuất *	11-LSX1803-004	Đơn hàng *	11-KDDH1803-005
Xưởng *	Xuong 1	Nhóm *	Nhóm 1
Loại phiếu	Chọn		
Nội dung ***	lenh san xuat		

Thành phần cần sản xuất | Chi tiết cần cấp

+ Thêm | Enter

	STT	Mã/ Tên	Đơn vị tính	SL theo lệnh	SL cần sản xuất đợt này	Ghi chú ****
	1	10101000008600120023 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li x180x245	Tấm	100	100	
	2	10101000008600120027 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li Ø160xØ100-Tấm chắn lưới	Tấm	150	150	

Thành phần cần sản xuất | Chi tiết cần cấp

+ Thêm | Enter

	STT	Mã/ Tên	Đơn vị tính	Serial number	SL đề nghị	Ghi chú****
	1	10101000000000120017 (Vật tư) Thép tấm CT3 1.2li x1524x2000	Tấm		2	
	2	10101000000000120017 (Vật tư) Thép tấm CT3 1.2li x1524x2000	Tấm		2	

Phân hệ kho –quy trình xuất nvl/btp

WORLDSOFT®

BP kho tiếp nhận Đề nghị cấp nvl để sản xuất btp/đề nghị cấp btp để lắp ráp thành phẩm→ Lập phiếu xuất nvl/btp

Pre — Đề nghị cấp vật tư/btp cho sản xuất

Phiếu nhập/xuất > Phiếu xuất sản xuất

Next — Phiếu xuất sản xuất

HELP

Thêm mới

Thông tin phiếu | File Upload

Công ty	HCM-SGM-TT	Loại phiếu *	Gia Công
Mã phiếu	11-PXSX1803-003	Số phiếu	11-PXSX1803-003
Số phiếu đề nghị cấp *	11-DNVT1803-003	Đơn hàng *	Khác
Người lập	Worldsoft3	Ngày lập	22/03/2018
Kho *	Chọn	Ngày xuất *	22/03/2018
Xưởng *	Chọn	Nhóm *	Chọn
Đối tượng xuất *		Tên đối tượng	
Tổng trọng lượng lý thuyết (Kg)		Tổng dung sai	
Min (Kg)		Max (Kg)	
Tổng trọng lượng thực tế (Kg)		Ngày hạch toán *	22/03/2018

Phân hệ kho –quy trình xuất nvl/btp

WORLDSOFT®

BP kho lập phiếu xuất nvl/btp

Thêm mới

Thông tin phiếu | File Upload

Công ty	HCM-SGM-TT	Loại phiếu *	Sản Xuất
Mã phiếu	11-PXSX1803-003	Số phiếu	11-PXSX1803-003
Số phiếu đề nghị cấp *	11-DNVT1803-004	Đơn hàng *	11-KDDH1803-005
Người lập	Worldsoft3	Ngày lập	22/03/2018
Kho *	Kho Lô 12-1	Ngày xuất *	22/03/2018
Xưởng*	Xuong 1	Nhóm*	Nhóm 1
Đối tượng xuất *		Tên đối tượng	
Tổng trọng lượng lý thuyết (Kg)	57.42	Tổng dung sai	0
Min (Kg)	57.42	Max (Kg)	57.42
Tổng trọng lượng thực tế (Kg)		Ngày hạch toán *	22/03/2018
Người nhận*			
Nội dung ***	lenh san xuat		

Chi tiết

+ Thêm

Enter

	STT)	Mã/ Tên	Serial number	SL đề nghị	SL lũy kế	Đơn vị tính	SL xuất	SL quy đổi	SL quy đổi	Vị trí	Ghi
🗑	1	10101000000000120017 (Vật tư) Thép tấm CT3 1.2li x1524x2000	z	2	0	Tấm	1	Tấm	1	Lô 12-1	
🗑	2	10101000000000120017 (Vật tư) Thép tấm CT3 1.2li x1524x2000	z	2	0	Tấm	1	Tấm	1	Lô 12-1	

Phân hệ kho –quy trình xuất nvl/btp

WORLDSOFT®

BP kho lập phiếu nhập btp sau khi hoàn tất sản xuất

Pre — Lệnh sản xuất | Phiếu nhập/xuất > Phiếu nhập sản xuất | Next — Phiếu nhập sản xuất | HELP

Thêm mới

Thông tin phiếu | File Upload

Công ty	HCM-SGM-TT	Loại phiếu *	Chọn
Mã phiếu	11-PNSX1803-004	Số phiếu	11-PNSX1803-004
Người lập	Worldsoft3	Ngày lập	22/03/2018
Lệnh sản xuất *	11-LSX1803-004	Đơn hàng *	11-KDDH1803-005
Kho	Chọn	Ngày nhập *	22/03/2018
Đối tượng nhập *		Tên đối tượng	
Tổng trọng lượng lý thuyết (Kg)		Tổng dung sai	
Min (Kg)		Max (Kg)	
Tổng trọng lượng thực tế (Kg)		Ngày hạch toán *	22/03/2018

Chi tiết

+ Thêm

Enter

	STT	Mã/ Tên	SL theo lệnh sản xuất	SL lũy kế	Đơn vị tính	SL nhập	Đơn vị tính quy đổi	SL quy đổi	Vị trí	Ghi chú ****
	1	10101000008600120023 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li x180x245	100	0	Tấm	70	Tấm	70	Lô 12-1	1
	2	10101000008600120027 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li Ø160xØ100-Tấm chắn lưới	150	0	Tấm	30	Tấm	30	Lô 12-1	1

Phân hệ kho –quy trình xuất btp-nhập thành phẩm

Từ Lệnh sản xuất lắp ráp, BP lắp ráp tạo phiếu đề nghị cấp btp để lắp ráp thành phẩm → BP kho xuất btp -→ Nhập thành phẩm sau khi hoàn thành lắp ráp

Công ty	HCM-SGM-TT		
Mã phiếu	11-DNVT1803-006	Số phiếu	11-DNVT1803-006
Người lập	Worldsoft3	Ngày lập	22/03/2018
Số lệnh sản xuất *	11-LSX1803-005	Đơn hàng *	11-KDDH1803-005
Xưởng *	Xuong 1	Nhóm *	Nhóm 1
Loại phiếu	Chọn		
Nội dung ***	lenh lap rap		

Thành phần cần sản xuất | Chi tiết cần cấp

STT	Mã/ Tên	Đơn vị tính	Serial number	SL đề nghị	Ghi chú****
1	10101000008600120023 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li x180x245	Tấm	z	30	
2	10101000008600120027 (Bán thành phẩm) Thép tấm CT3 CN 1.2li Ø160xØ100-Tấm chắn lưới	Tấm	z	20	

Báo cáo

WORLDSOFT®

Công ty: HCM

Khách hàng: Chọn

Từ ngày: 01/01/2018

Đến ngày: 31/03/2018

Hôm nay | 7 ngày trước | 30 ngày trước

Đơn hàng:

Tìm kiếm

Tổng quan | Tình hình giao hàng | Tình hình sản xuất

Show 10 rows entries

Search:

STT	Công ty	Số đơn hàng	Tên khách hàng	tổng giá trị	Ngày giao hàng	Tỷ lệ hoàn thành	
						Sản xuất	Giao hàng
1	SGM-TT	11-KDDH1803-006	Doanh Nghiệp Tư Nhân Phúc Hải Liên	0	20/03/2018	0%	0%
2	SGM-TT	11-KDDH1803-005	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	169,587,000,000	25/04/2018	3.3333333333333333333333333333%	16%
3	SGM-TT	11-KDDH1803-004	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	30,043,200	11/04/2018	0%	0%
4	SGM-TT	11-KDDH1803-003	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	49,061,111,000	09/04/2018	0%	45%
5	SGM-TT	11-KDDH1803-002	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN	18,649,180,000	01/07/2018	0%	27.2727272727272727272727272273%

Báo cáo

WORLDSOFT®

Tổng quan | Tình hình giao hàng | Tình hình sản xuất

Show 10 rows | Copy | Excel

Search:

STT	Số đơn hàng	Mã	Tên	Đơn vị tính	Thuộc tính	Số lượng		
						Số lượng đơn hàng	Số lượng đã giao	Còn lại
4	KDDH1801-003	00103000108492021200	cặp dao xẻ LM K1200	Cái	phẩm	1	0	1
5	11-KDDH1801-004	00103000108492021200	Máy cán tôn 3 tầng SGM VN 11SDT-2SN-1000-H16.5-R32.5 và 13LP-1050-H9, gắn 01 cặp trục có 04 cặp dao xẻ LM K1200	Cái	Thành phẩm	2	2	0
6	11-KDDH1801-005	00102000108412000722	Máy cán tôn 2 tầng SGM VN K1200mm 14.5ST-1000-H17.5-R18-25CT, gắn 01 cặp trục có 04 cặp dao xẻ LM	Cái	Thành phẩm	1	0	1
7	11-KDDH1801-005	00406000108412000062	Máy xả cuộn thủ công SGM VN K1200mm 3G3T LM	Cái	Thành phẩm	1	0	1
8	11-KDDH1801-007	00404000108413500172	Máy xả cuộn tự động VN K1350mm RT-10T LM	Cái	Thành phẩm	1	0	1
9	11-KDDH1801-007	04504000108400000222	Phụ tùng thiết bị tự động VN Xe rùa nâng hạ xả cuộn tự động 10 tấn LM	Cái	Vật tư	1	0	1
10	11-KDDH1801-006	00404000108412000032	Máy xả cuộn tự động SGM VN K1200mm RT-VT-6T LM	Cái	Thành phẩm	1	0	1

Báo cáo

WORLDSOFT®

Thông tin chung | Chi tiết | Cung ứng-sản xuất

Mã đơn hàng
11-KDDH1803-006
Số đơn hàng
11-KDDH1803-006
Khách hàng
CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Tên công ty
SGM-TT

Thống kê

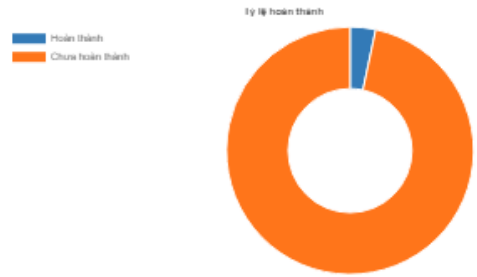

0%	3.3333%	16%
Đã mua	Đã sản xuất	Đã giao

STT	Tên hàng	Số lượng đơn hàng	Số lượng đã mua	Số lượng đã sản xuất	Số lượng đã giao hàng	
1	0010100010840914002 3 Thành phẩm Đơn vị: Cái Máy cán tôn 1 tầng SGM VN K914mm 3 8V-1R-760-H31-3LP38-19CT L 8	250	0	10	41	Hoàn thành 4 -0% Đã mua -4% Đã sản xuất -16.4% Đã giao
2	0010100010841200040 2 Thành phẩm Đơn vị: Cái Máy cán tôn 1 tầng SGM VN K1200mm 14.5 8T-1000-H17.5-R18-25CT LM	200	0	6	31	Hoàn thành 2 -0% Đã mua -2.5% Đã sản xuất -15.5% Đã giao

Ngày

Kế Hoạch Sản Xuất	Start time	Duration	End time
Đơn Hàng: 11-KDDH1803-005	2018-03-20	36	2018-04-25
Kế Hoạch 11-KHSX1803-003	2018-03-22	7	2018-03-29
Lệnh Sản Xuất11-LSX1803-004	2018-03-22	7	2018-03-29
Kế Hoạch 11-KHSX1803-004	2018-03-22	7	2018-03-29
Lệnh Sản Xuất11-LSX1803-005	2018-03-22	7	2018-03-29

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Quy trình chung

Từ Phiếu nhu cầu nguyên vật liệu/btp, bộ phận cung ứng sẽ quyết định số lượng cần mua mới , số lượng xuất từ tồn kho

1. Số lượng mua mới: Tạo kế hoạch mua hàn → Chọn nhà cung cấp→ Gửi thư mời báo giá→ Nhập báo giá → So sánh giá → Tạo đơn hàng mua→ Thông báo giao hang → Nhập kho

2. Số lượng xuất từ tồn kho: BP sản xuất tạo phiếu đề nghị cấp nvl/btp → Phiếu xuất nvl/btp

Phân hệ cung ứng

QUI TRÌNH CUNG ỨNG _ GIAI ĐOẠN SO SÁNH

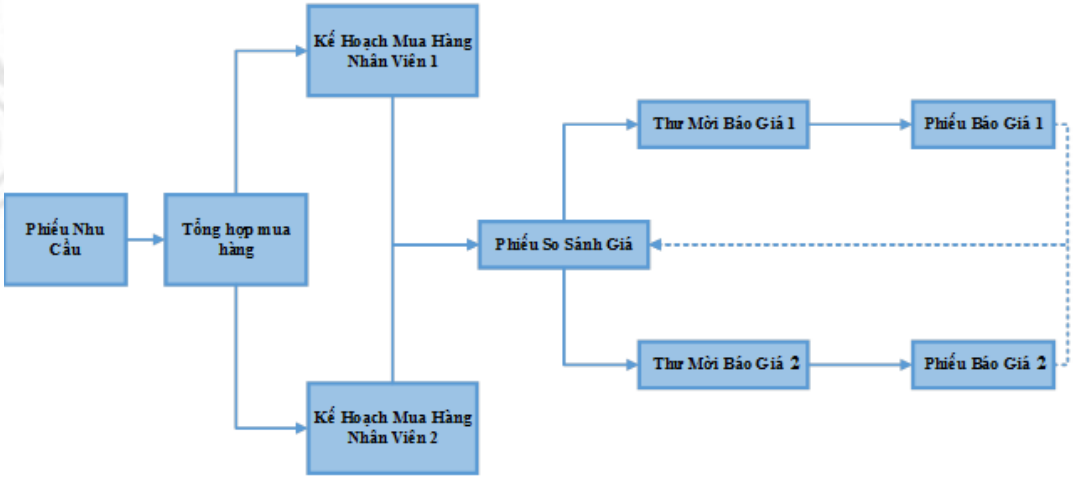

QUI TRÌNH CUNG ỨNG VẬT TƯ _ GIAI ĐOẠN NHẬP KHO

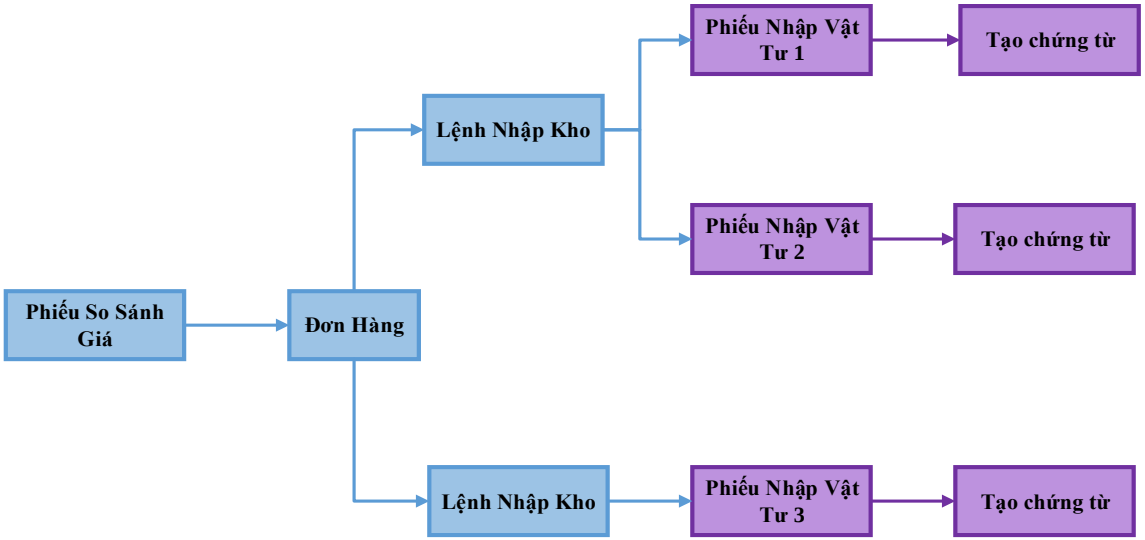

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Định nghĩa bộ mã vật tư/btp/tp : Nhóm → Loại→ Mặt hàng

Nhóm: [614] Bạc đạn

Loại: [01] Bạc đạn tròn

Thuộc tính: All

Từ khóa: nhập tên hoặc mã vật tư để tìm kiếm

Tìm kiếm | Chức năng

Show 25 rows entries

STT	Mã	Hình	Mặt hàng	Thuộc tính	Đơn vị tính	Loại	Nhóm	Nhãn hiệu	Xuất xứ	Người lập	Ngày lập
1	61401000808660010000		Bạc đạn tròn KDYD CN 6001	Thuộc tính vật tư	Cái	Bạc đạn tròn	Bạc đạn		CN	Worldsoft3	23/01/2018
2	61401000808660020000		Bạc đạn tròn KDYD CN 6002	Thuộc tính vật tư	Cái	Bạc đạn tròn	Bạc đạn		CN	Worldsoft3	23/01/2018
3	61401000808660030000		Bạc đạn tròn KDYD CN 6003	Thuộc tính vật tư	Cái	Bạc đạn tròn	Bạc đạn		CN	Worldsoft3	23/01/2018

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Định nghĩa mã vật tư/btp/tp

Thông tin vật tư

Chi tiết

Nhóm	[614] Bạc đạn	Loại	[61401] Bạc đạn tròn
Nhãn hiệu	[0008] KDYD	Xuất xứ	[086] CN
Quy cách 1	[6001] 6001	Quy cách 2	[0000]

Mã	61401000808660010000	Tên	Bạc đạn tròn KDYD CN 6001
Đơn vị tính(*)	Cái	Trọng lượng(Kg)(*)	
Tính chất	Phụ	Thuộc tính	Vật tư
Đối tượng tính giá thành	✓	Đơn vị tính phụ(*)	Cái
▼ Đặc tính kỹ thuật		Giá trị quy đổi (*)	
Quy cách		TK chi phí nguyên vật liệu	Chọn

STT	Tên đặc tính kỹ thuật	
1	Dài(cm)	0
2	Rộng(cm)	0
3	ø Lỗ(cm)	0
4	ø Ngoài(cm)	0
5	Trọng lượng riêng(kg/cm3)	1
6	Thể tích(cm3)	1
7	Cao (cm)	0

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Lưu trữ bảng giá mua nguyên vật liệu/btp
Lưu trữ Đơn giá sản xuất định mức của btp/thành phẩm

HELP

Pre

Next

Quản lý cung ứng vật tư > Cung ứng vật tư/btp/tp >
Bảng giá theo NCC

Nhà cung cấp

All

Import file Excel [Mẫu 1]

Chọn tệp Không có tệp nào được chọn

Tìm Chức năng

Show 10 entries

Search:

	STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Thuộc tính	Đơn giá	Thuế VAT	Tiền tệ	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Ngày cập nhật	Người cập nhật
	1	0000005780	Đá nhám xếp 100	Viên	Vật tư	8,000	10		200373	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Công Nghiệp Minh Châu	07/12/2017	Nguyễn Lệ Chi
	2	0000000824	Đá nhám doa 25x25	Viên	Vật tư	7,500	10		200373	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Công Nghiệp Minh Châu	07/12/2017	Nguyễn Lệ Chi
	3	0000000823	Đá mài thô 20x32x200	Viên	Vật tư	126,000	10		200373	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Công Nghiệp Minh Châu	07/12/2017	Nguyễn Lệ Chi
	4	0000000861	Giấy nhám 240 (Nhật)	Tấm	Vật tư	6,000	10		200373	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Công Nghiệp Minh Châu	07/12/2017	Nguyễn Lệ Chi
	5	0000000862	Giấy nhám 320 (Nhật)	Tấm	Vật tư	6,000	10		200373	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Công Nghiệp Minh Châu	07/12/2017	Nguyễn Lệ Chi

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Tiếp nhận Phiếu nhu cầu vật tư và quyết định số lượng mua mới/số lượng sử dụng tồn kho

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Từ số lượng mua mới, BP cung ứng lập kế hoạch mua hang và phân công nhân viên thực hiện

Tạo mới

Số kế hoạch mua hàng tổng	KHMHTong1803-007	Ngày lập	22/03/2018

+Chọn

STT	Mã / Tên	Nhân viên phụ trách	Phiếu cung ứng	Số lượng	C và th nh
1	63601 Mỡ bò tốt	Nguyễn Văn Trực	Ghi chú		
1.1	63601000208400010000 Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại chịu nhiệt)	Nguyễn Văn Trực	11-VTSX1803-008	50	
2	63704 Keo dán ron	Nguyễn Văn Trực	Ghi chú		
2.1	63704000000011010000 Keo dán ron 1101	Nguyễn Văn Trực	11-VTSX1803-008	50	
3	63801 Chỉ màu trắng	Nguyễn Văn Trực	Ghi chú		
3.1	63801000000000000000 Chỉ màu trắng	Nguyễn Văn Trực	11-VTSX1803-008	50	

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Chọn nhà cung cấp

Thêm mới

Số phiếu	PSSGVT1803-007	Ngày lập	22/03/2018
Người lập	Nguyễn Văn Trực	Ngày dự kiến cần có hàng	22/03/2018
Nhân viên đảm trách	Nguyễn Văn Trực	Trạng thái	Tạo mới
Nội dung			
File đính kèm:	Thêm file		

File name:	File Size

☑ Kế hoạch mua hàng cần gửi báo giá nhà cung cấp

Tất cả | Chi tiết mặt hàng | Mặt hàng theo phiếu nhu cầu | Nhà cung ứng

+ Chọn

STT	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	
1	200626	CH Phúc Lò Xo	168/10 Tân Thàn, P.15, Q.5,	Xóa
2	200623	CS Thanh Long	34 Mạc Cửu, P13, Q5, TP.HCM	Xóa

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Lấy giá trong bảng giá của nhà cung cấp đã có hoặc gửi thư mời báo giá → Import nhập báo giá

Tên nhà cung cấp	CS Thanh Long	Số thư mời báo giá	TMBG1803-014
Phương thức giao hàng	tai xuong	Số phiếu so sánh giá	PSSGVT1803-007
Phương thức thanh toán	Chuyển khoản	Người cập nhật	Nguyễn Văn Trực
Tiền tệ nhà cung cấp	VNĐ	Tiền tệ công ty	VNĐ
Tỷ giá	1	Ngày nghiệm thu	22/03/2018
Địa điểm giao hàng	Xuong Tan tao		
Ghi chú nghiệm thu hàng hóa			
Nội dung			
Đính kèm file:	Thêm file File name:		

Thông tin thanh toán

Vận chuyển	○ Có ◉ Không	Số tiền	0 VNĐ		
Bốc xếp	○ Có ◉ Không	Số tiền	0 VNĐ		
Chi phí khác	○ Có ◉ Không	Số tiền	0 VNĐ		
Bảo lãnh thanh toán	○ Có ◉ Không	Bảo lãnh tạm ứng	○ Có ◉ Không		
Thời hạn thanh toán	☑ 15 Ngày	Tỷ lệ tạm ứng	☑ 10 %		
Bảo lãnh tạm ứng	☐ Ngày	Tỷ lệ bảo hành	☐ %		

Chỉnh sửa

Thông tin báo giá | Mặt hàng theo phiếu nhu cầu

STT	Mã / Tên	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng báo giá tối thiểu	Số lượng mua	Đơn giá NCC	Đơn giá so sánh	Thành tiền trước thuế	VAT(%)	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế	Ghi chú
1	63601000208400010000 Mỡ bò tốt Thuận Phát VN (loại chịu nhiệt)	kg		50	50	1,800,000	1,800,000	90,000,000	10	9,000,000	99,000,000	
2	63704000000011010000 Keo dán ron 1101	chai		50	50	150,000	150,000	7,500,000	10	750,000	8,250,000	
3	63801000000000000000 Chỉ màu trắng	cuộn		50	50	250,000	250,000	12,500,000	10	1,250,000	13,750,000	
								Tổng cộng:		110,000,000	11,000,000	121,000,000

Lưu | Trở về

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

So sánh giá các nhà cung cấp và chọn nhà cung cấp→ gửi duyệt

Kế hoạch mua hàng nhân viên | Quản lý cung ứng vật tư > Cung ứng vật tư/btp/tp > Phiếu so sánh giá | Phiếu báo giá

So sánh giá NCC

Số phiếu so sánh giá vật tư: PSSGVT1803-007 ◉ So sánh theo đơn giá — Đơn vị tính : VNĐ

So sánh giá NCC | Phiếu báo giá

STT	Mã vật tư/ Tên vật tư	ĐVT nhu cầu	SL nhu cầu	ĐVT đi mua	SL mua	ĐG nhỏ nhất	ĐG gần nhất	CS Thanh Long PCNGPVT1803-015 Đơn giá	CS Thanh Long PCNGPVT1803-015 Thành tiền	CH Phúc Lò Xo PCNGPVT1803-014 Đơn giá	CH Phúc Lò Xo PCNGPVT1803-014 Thành tiền
1	63601000208400010000 Mỡ bò tốt Thuận Phát VN (loại chịu nhiệt)	kg	50	kg	50	0	0	1,800,000	90,000,000 ◉	2,460,000	123,000,000 ○
2	63704000000011010000 Keo dán ron 1101	chai	50	chai	50	0	0	150,000	7,500,000 ◉	230,000	11,500,000 ○
3	63801000000000000000 Chỉ màu trắng	cuộn	50	cuộn	50	0	0	250,000	12,500,000 ○	158,000	7,900,000 ◉
							Tổng thành tiền trước thuế		110,000,000		142,400,000
							Chi phí vận chuyển		0		0
							Chi phí bốc xếp		0		0
							Chi phí khác		0		0
							Tổng thành tiền trước thuế bao gồm các khoản chi phí		110,000,000		142,400,000

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Từ bảng so sánh giá đã duyệt →Tạo các đơn hàng cho các nhà cung cấp

Thông tin đơn hàng | Mặt hàng | Mặt hàng theo phiếu nhu cầu | Nội dung đính kèm

Hình thức mua hàng	Trong nước	Loại đơn hàng	Hàng hóa
Mã đơn hàng (*)	11-DHVT1803-0011	Người lập	Nguyễn Văn Trực
Số đơn hàng (*)	11-DHVT1803-0011	Ngày đặt hàng	22/03/2018
Số phiếu so sánh giá	PSSGVT1803-007	Nhà cung cấp	CS Thanh Long
Số hợp đồng nguyên tắc		Số báo giá	PCNGPVT1803-015
Ngày giao hàng		Tên công ty	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN (SGM)
Địa điểm giao hàng	TPHCM		
Phương thức thanh toán	Chuyển khoản	Người nhận hàng/ Bộ phận	
Tiền tệ	VNĐ	Tỷ giá	1
Tổng tiền trước thuế	97,500,000	Tổng tiền sau thuế	107,250,000
Thanh toán cho nhân viên	○ Có ◉ Không	Tỷ lệ cấn trừ tạm ứng (%)	0
Đính kèm file	Choose File No file chosen		
Nội dung (*)			

Thông tin thanh toán

Vận chuyển	○ Có ◉ Không	Chi phí vận chuyển	
Bốc xếp	○ Có ◉ Không	Chi phí bốc xếp	
Chi phí khác	○ Có ◉ Không	Chi phí khác	
Bảo lãnh thanh toán	○ Có ◉ Không	Bảo lãnh tạm ứng	○ Có ◉ Không
Thời hạn thanh toán	☑ 15 Ngày	Tỷ lệ tạm ứng	☑ 10 %
Bảo lãnh tạm ứng	☐ Ngày	Tỷ lệ bảo hành	☐ %
Phân bổ	○ Có ◉ Không		

(*) Lưu ý: Chỉ tạo mã đơn hàng sau khi đã chọn xong các thông tin khác.

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Từ bảng so sánh giá đã duyệt →Tạo các đơn hàng cho các nhà cung cấp

Thêm mới

Thông tin đơn hàng | Mặt hàng | Mặt hàng theo phiếu nhu cầu | Nội dung đính kèm

STT	Mã	Mặt hàng	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	SL so sánh	SL mua	Đơn giá	Thành tiền	VAT (%)	Tiền thuế VAT	Thành tiền sau thuế
1	63601000208400010000	Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại chịu nhiệt)	...	kg	50	50	1,800,000	90,000,000	10	9,000,000	99,000,000
2	63704000000011010000	Keo dán ron 1101	...	chai	50	50	150,000	7,500,000	10	750,000	8,250,000
							Tổng cộng:	97,500,000		9,750,000	107,250,000
							Chi phí vận chuyển:				
							Chi phí bốc xếp:				
							Chi phí khác:				
							Thành tiền sau thuế:				107,250,000

Thêm mới

Thông tin đơn hàng | Mặt hàng | Mặt hàng theo phiếu nhu cầu | Nội dung đính kèm

STT	Số phiếu nhu cầu	Mã	Mặt hàng	Đơn vị tính	SL nhu cầu	SL mua SSG (1)	SL đã lên ĐH (2)	SL còn lại (3) = (1)-(2)	Đơn vị tính mua	Hệ số quy đổi (4)	SL cần mua (3)*(4)	Từ ngày	Đến ngày	
1	11-VTSX1803-008	63601000208400010000	Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại chịu nhiệt)	kg	50	50	0	50	kg	1	50	22/03/2018	22/03/2018	Xóa
2	11-VTSX1803-008	63704000000011010000	Keo dán ron 1101	chai	50	50	0	50	chai	1	50	22/03/2018	22/03/2018	Xóa

Công thức tính lũy kế: SL lũy kế của những ĐH đã lên trước đó(2) = Tổng ([SL cần mua(3)*(4)] / [Hệ số quy đổi(4)]) theo từng đơn hàng và vật tư quy đổi về đơn vị tính phiếu nhu cầu

Số lượng mua vượt số lượng nhu cầu

WORLDSOFT®

Từ đơn hàng lập hồ sơ tạm ứng

Pre — Đơn hàng mua hàng hóa/dịch vụ

Quy trình thanh toán > Lập đề nghị tạm ứng NCC

Next

HELP

Tạo mới

Số phiếu	DNTUNCC1803-002	Ngày lập	22/03/2018
Loại tạm ứng	Đơn hàng vật tư	Người lập	Nguyễn Văn Trực
Tên nhà cung cấp	CS Thanh Long	Số hợp đồng/Số đơn hàng	11-DHVT1803-0011(11-DHVT1803-0011)
Tỷ lệ tạm ứng	10	Lần tạm ứng	1
Nhân viên mua hàng	Nguyễn Văn Trực	Tỷ lệ giữ lại bảo hành	0
Loại tiền tệ	VND	Ngày thanh toán	22/03/2018
Phương thức thanh toán	Chuyển khoản	Tỷ giá	1.00
Đính kèm file	Choose File No file chosen		
Ngân hàng		Số tài khoản	
Nội dung			

STT	Diễn giải	Công thức	Số tiền	Ghi chú
	Giá trị hợp đồng/Đơn hàng			
1	Giá trị hợp đồng/Đơn hàng		97,500,000	
2	Thuế VAT		9,750,000	
3	Giá trị hợp đồng/Đơn hàng (VAT)	3 = 1 + 2	107,250,000	
	Giá trị tạm ứng			
4	Giá trị ứng theo Hợp đồng/Đơn hàng	4 = 1 x (10%)	9,750,000	
5	Giá trị tạm ứng lũy kế		0	
6	Giá trị được tạm ứng kỳ này		9,750,000	
7	Thuế VAT		975,000	

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

Từ đơn hàng lập Lệnh nhập kho

Pre | Đơn hàng mua hàng hóa/dịch vụ | Lệnh nhập/xuất > Lệnh nhập mua | Next | Phiếu nhập mua hàng | HELP

Chỉnh sửa

Hình thức mua hàng	Trong nước		
Mã lệnh nhập	11-LNKH1803-0005	Số lệnh nhập	11-LNKH1803-0005
Công ty (*)	CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN (SGM)	Người lập	Nguyễn Văn Trực
Tên nhà cung cấp	CS Thanh Long	Ngày lập phiếu	22/03/2018
Tên kho (*)	Kho Lô 12-1	Số hợp đồng	
Đơn hàng (*)	11-DHVT1803-0011	Ngày nhập	22/03/2018
Người nhận hàng/ Bộ phận	Nguyen Van Truc	Tỷ giá	1
Loại tiền tệ	VNĐ		
Đính kèm file	Choose File No file chosen		
Đơn vị vận chuyển			
Tên đơn vị		Điện thoại	
Số xe		Tên tài xế	
Nội dung (*)	mua hang		

Danh sách vật tư | Danh sách chi tiết vật tư - Phiếu nhu cầu

STT	Mã/ Tên	Đơn vị tính	SL đơn hàng	Số lượng lũy kế	Số lượng theo lệnh	Đơn vị tính quy đổi	Số lượng quy đổi
1	63601000208400010000 Mỡ bò tốt Thuận Phát VN (loại chịu nhiệt)	kg	50	0	50	kg	50
2	63704000000011010000 Keo dán ron 1101	chai	50	0	50	chai	50

Chuyển bộ phận kho | Lưu | Trở về

WORLDSOFT®

Gửi Lệnh nhập kho đến BP kho, BP kho tiếp nhận

Thông tin phiếu | File Upload

Công ty (*)	HCM-SGM-TT	Ngày lập (*)	22/03/2018
Số phiếu nhập (*)	11-PNKH1803-0004	Số phiếu nhập tham chiếu	11-PNKH1803-0004
Số lệnh nhập (*)	11-LNKH1803-0005	Hình thức mua hàng (*)	Trong nước
Số đơn hàng (*)	11-DHVT1803-0011	Số hợp đồng	
Tên kho (*)	Kho Lô 12-1	Nhà cung cấp (*)	CS Thanh Long
Hóa đơn kèm theo	Có kèm hóa đơn	Người lập (*)	Nguyễn Văn Trực
Loại tiền tệ	VNĐ	Tỷ giá	1
Ngày hạch toán (*)	22/03/2018	Ngày nhập (*)	22/03/2018
Đơn vị vận chuyển			
Tên đơn vị		Điện thoại	
Số xe		Tên tài xế	
Nội dung ***	mua hang		

Chi tiết | Chi tiết phiếu nhu cầu

+ Thêm

	STT	Mã/ Tên	Đơn vị tính	Serial number	SL theo lệnh	Số lượng nhập lũy kế	Số lượng nhập	Đơn vị tính quy đổi	Số lượng nhập quy đổi	Ghi chú ****
	1	63601000208400010000 Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại chịu nhiệt)	kg	Không để trống	50	0	35	kg	35	nhap dot1
	2	63704000000011010000 Keo dán ron 1101	chai	Không để trống	50	0	25	chai	25	

Chi tiết | Chi tiết phiếu nhu cầu

+ Thêm

	STT	Số phiếu nhu cầu vật tư	Mã/ Tên	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng theo lệnh	Số lượng nhập lũy kế	Số lượng nhập	Đơn vị tính quy đổi	Số lượng nhập quy đổi	Vị trí	Ghi chú ****
	1	11-VTSX1803-008	63601000208400010000 Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại chịu nhiệt)	kg		50	0	35	kg	35	Lô 12-1	
	2	11-VTSX1803-008	63704000000011010000 Keo dán ron 1101	chai		50	0	25	chai	25	Chọn	

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

BP kho lập phiếu nhập kho → chuyển đến kế toán kho phân bổ chi phí mua hàng, hạch toán

Số lệnh nhập (*)	11-LNKH1803-0005	Hình thức mua hàng (*)	Trong nước
Số đơn hàng (*)	11-DHVT1803-0011	Số hợp đồng	
Tên kho (*)	Kho Lô 12-1	Nhà cung cấp (*)	CS Thanh Long
Hóa đơn kèm theo	Có kèm hóa đơn	Người lập (*)	Nguyễn Văn Trực
Tiền tệ	VNĐ	Tỷ giá	1
Ngày hạch toán (*)	22/03/2018	Ngày nhập (*)	22/03/2018
Đơn vị vận chuyển			
Tên đơn vị		Điện thoại	
Số xe		Tên tài xế	
Nội dung ***	nhap dot 1		

Chi tiết | Thuế GTGT

lệnh	SL nhập lũy kế	Số lượng nhập	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Tỷ lệ phân bổ (%)	Chi phí mua hàng	Thành tiền sau phân bổ trước thuế	VAT (%)	Tiền thuế VAT	Thành tiền sau phân bổ sau thuế	TK nợ	ĐT nợ	VV nợ
			Tổng cộng:	66,750,000	Phân b...	1,000,000	67,750,00		6,775,000	74,525,000			
50	0	35	1,800,000	63,000,000	58.333	583,330	63,583,33	10	6,358,333	69,941,663	1522		39CHUN
50	0	25	150,000	3,750,000	41.667	416,670	4,166,670	10	416,667	4,583,337	1522		39CHUN

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

BP cung ứng kê khai hóa đơn mua hang

Hoa đơn	4069777	Ngày tạo hoa đơn	22/03/2018
Ký hiệu	AA/11P	Ngày kê khai	22/03/2018
Mã số thuế đơn vị	03047740365	Loại hóa đơn	Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng c...
Nhà cung cấp	CS Thanh Long ...	Phương thức thanh toán	Chọn
Địa chỉ	34 Mạc Cửu, P13, Q5, TP.HCM		
Bill To	...		

Mặt hàng theo phiếu nhập | Mặt hàng theo phiếu nhập chi tiết | Mặt hàng theo mã kế toán

Chọn | Thêm dòng | Xóa tất cả

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	VAT (%)(%)	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế	Ghi chú	
1	6360100020840001	Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại	kg	35	1,800,000	63,000,000	10	6,300,000	69,300,000		Xóa
2	6370400000001101	Keo dán ron 1101	chai	25	150,000	3,750,000	10	375,000	4,125,000		Xóa
3	1	Chi phi van chuyen	bo	1	1,000,000	1,000,000	10	100,000	1,100,000		Xóa
				Tổng cộng:		67,750,000		6,775,000	74,525,000		

Ghi chú: Mặt hàng được nhóm theo Mã hàng , Đơn vị tính,Đơn giá, VAT (%)

Mặt hàng theo phiếu nhập | Mặt hàng theo phiếu nhập chi tiết | Mặt hàng theo mã kế toán

STT	Tên hàng	Số phiếu nhập	Đơn vị tính	Số lượng	SL lũy kế lên hóa đơn	SL còn lại	Đơn giá	Thành tiền	VAT (%) (%)	VAT (%)	Thành tiền
1	Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại chịu nhiệt)	11-PNKH1803-0004	kg	35	0	35	1,800,000	63,000,000	10	6,358,333	69,358,333
2	Keo dán ron 1101	11-PNKH1803-0004	chai	25	0	25	150,000	3,750,000	10	416,667	4,166,667

Phân hệ cung ứng

WORLDSOFT®

BP cung ứng lập hồ sơ thanh toán

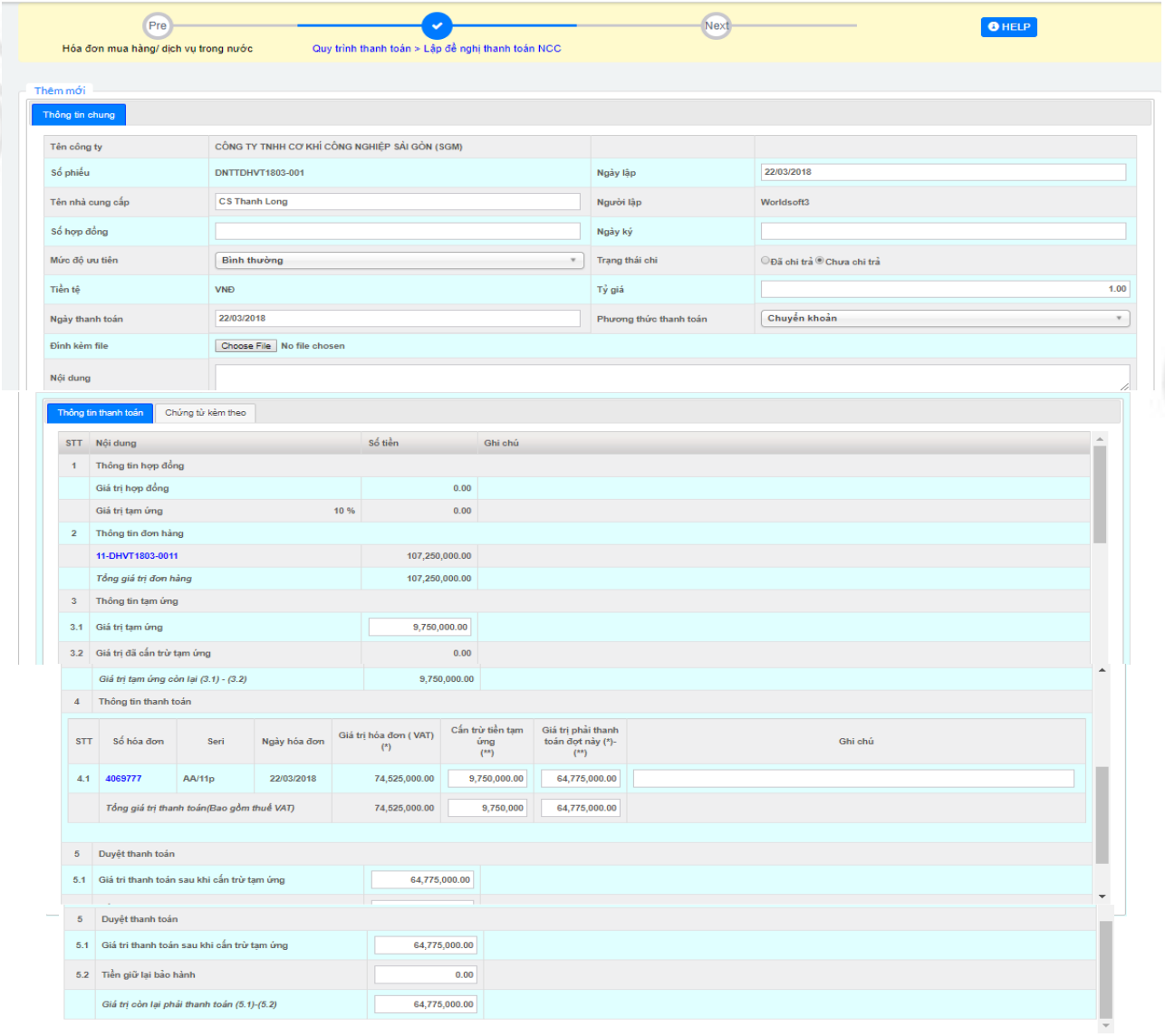

Phân hệ kho

WORLDSOFT®

Các nghiệp vụ

1. Nhập mua theo đơn hàng
2. Nhập từ sản xuất/lắp ráp
3. Nhập gia công
4. Nhập điều chuyển kho
5. Nhập thu hồi
6. Nhập hàng trả lại
7. Nhập khác
8. Phân bổ chi phí mua hàng

9. Xuất nvl/btp theo lệnh sản xuất
10. Xuất gia công
11. Xuất sử dụng không theo lệnh sản xuất
12. Xuất điều chuyển
13. Xuất trả hàng cho NCC
14. Xuất bán
15. Xuất khác

Báo cáo thống kê

WORLDSOFT®

THEO DÕI NHU CẦU-ĐƠN HÀNG-NHẬP KHO

Công ty : HCM

RC: Tất cả

Loại đơn hàng: Tất cả

Hình thức mua hàng: Tất cả

Từ ngày: 01/01/2018

Đến ngày: 22/03/2018

Tháng trước | 6 tháng trước | Năm trước

Show 100 rows | Copy | Excel | Search:

STT	Mã	Mặt hàng	Đơn vị tính	Kho	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
					Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
				Tổng cộng:		0		97,376,062		27,487,290		69,888,772
25	00101000108412000422	Máy cán tôn 1 tầng SGM VN K1200mm 13LP-1080-H7-22CT LM	Cái	Kho Lô 12-2	0	0	5.00	600,000.00	0.00	0.00	5	600,000
26	00505000108403580032	Máy xả gỗ bán tự động SGM VN K358mm C200 x 65 cán từ 1 đến 3mm, 1 trạm đột LM	Cái	Kho thành phẩm SGM	0	0	1.00	0.00	0.00	0.00	1	0
27	10101000000000120017	Thép tấm CT3 1.2li x1524x2000	Tấm	Kho Lô 12-1	0	0	0.00	0.00	2.00	0.00	-2	0
28	10101000008600120023	Thép tấm CT3 CN 1.2li x180x245	Tấm	Kho Lô 12-1	0	0	70.00	0.00	30.00	0.00	40	0

Báo cáo thống kê

WORLDSOFT®

Công ty: HCM

RC: Tất cả

Kho: Tất cả

Loại đơn hàng: Tất cả

Hình thức mua hàng: Tất cả

Từ ngày: 01/01/2018

Đến ngày: 22/03/2018

Tháng trước | 6 tháng trước | Năm trước

Xem

Show 100 rows | Copy | Excel | Search:

STT	Kho	Mã	Mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng nhập	Đơn giá mua trung bình	Giá trị	Chi phí mua hàng	Thuế nhập khẩu	Thuế TTĐB	Thuế khác	Đơn giá nhập trung bình bao gồm chi phí mua hàng	Giá trị nhập bao gồm các loại thuế và chi phí mua hàng
			Tổng cộng:				67,530,000	0	0	0	0		68,530,000
1	Kho Lô 12-2	00101000108412000412	Máy cán tôn 1 tầng SGM VN K1200mm 14.5ST-991-H18-R18-25CT LM	Cái	5	36,000	180,000	0	0	0	0	36,000	180,000
2	Kho Lô 12-2	00101000108412000422	Máy cán tôn 1 tầng SGM VN K1200mm 13LP-1080-H7-22CT LM	Cái	5	120,000	600,000	0	0	0	0	120,000	600,000
3	Kho Lô 12-1	63601000208400010000	Mỡ bò tốt Thuần Phát VN (loại chịu nhiệt)	kg	35	1,800,000	63,000,000	0	0	0	0	1,816,667	63,583,330
4	Kho Lô 12-1	63704000000011010000	Keo dán ron 1101	chai	25	150,000	3,750,000	0	0	0	0	166,667	4,166,670

Báo cáo thống kê

WORLDSOFT®

Công ty: HCM

RC: Tất cả

Nhà cung cấp :

Kho:

Tiền tệ: Tất cả

Loại đơn hàng: Tất cả

Hình thức mua hàng: Tất cả

Xem: Tổng hợp | Chi tiết

Từ ngày 01/01/2018

Đến ngày 22/03/2018

Tháng trước | 6 tháng trước | Năm trước

Xem

Show 100 rows | Copy | Excel

Search:

STT	Số đơn hàng	Loại đơn hàng	Loại nhập	RC	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Người lập	Ngày lập	Tiền tệ	Giá trị đơn hàng ngoại tệ	Giá trị đơn hàng bao gồm chi phí mua hàng
									Tổng cộng	0	264,236,500
1	11-DHVT1803-0001	Hàng hóa	Trong nước	SGM-TT	200627	CH Minh Kho 7	Worldsoft3	14/03/2018	VND	0	24,842,500
2	11-DHVT1803-0002	Hàng hóa	Trong nước	SGM-TT	200627	CH Minh Kho 7	Worldsoft3	20/03/2018	VND	0	24,842,500
3	11-DHVT1803-0003	Hàng hóa	Trong nước	SGM-TT	200627	CH Minh Kho 7	Worldsoft3	20/03/2018	VND	0	23,437,500
4	11-DHVT1803-0004	Hàng hóa	Trong nước	SGM-TT	200627	CH Minh Kho 7	Worldsoft3	20/03/2018	VND	0	6,336,000

Báo cáo thống kê

WORLDSOFT®

Công ty: HCM

RC: Tất cả

Nhà cung cấp:

Từ ngày: 15/03/2018

Đến ngày: 22/03/2018

Tháng trước | 6 tháng trước | Năm trước

Tiền tệ: Tất cả

Loại đơn hàng: Tất cả

Hình thức mua hàng: Tất cả

Xem

Show 100 rows | Copy | Excel

Search:

STT	Số hợp đồng	Số đơn hàng	Loại đơn hàng	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Tiền tệ	Giá trị hợp đồng	Giá trị đơn hàng	Giá trị tạm ứng hợp đồng	Giá trị tạm ứng đơn hàng	Giá trị được duyệt thanh toán tạm ứng HĐ đến thời điểm hiện tại	Giá trị được duyệt thanh toán ĐH đến thời điểm hiện tại
					Tổng cộng:		0	237,427,000	0	10,725,000	0	64,775,000
10		11-DHVT1803-0011	Hàng hóa	200623	CS Thanh Long	VND		107,250,000.00		10,725,000.00		64,775,000.00
4		11-DHVT1803-0005	Hàng hóa	200626	CH Phúc Lò Xo	VND		0.00				

Báo cáo thống kê

WORLDSOFT®

BÁO CÁO MUA HÀNG THEO NHÀ CUNG CẤP

Công ty: HCM

RC: Tất cả

Nhà cung cấp : Tất cả

Loại đơn hàng : Tất cả

Hình thức mua hàng: Tất cả

Tiền tệ: Tất cả

Từ ngày 01/01/2018

Đến ngày 22/03/2018

Tháng trước | 6 tháng trước | Năm trước

Xem

Show 100 rows | Copy | Excel

Search:

STT	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	RC	Tổng giá trị nhập
			Tổng cộng :	74,383,000
			Tổng cộng :	73,525,000
1	200623	CS Thanh Long	SGM-TT	73,525,000.00
			Tổng cộng :	858,000
2	200627	CH Minh Kho 7	SGM-TT	858,000.00

Báo cáo thống kê

WORLDSOFT®

Công ty: HCM

RC: Tất cả

Loại thanh toán: Tất cả

Ngày báo cáo: 22/03/2018

Tiền tệ: Tất cả

View: Sắp đến hạn / Đã trễ hạn

View

Chi tiết | Chart

Show 100 rows | Copy | Excel

Search:

Số phiếu	Nội dung	Loại phiếu	Ngày lập	Người lập	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Tiền tệ	Ngày đến hạn thanh toán	Số tiền
NTUNCC1803-002	thanh toan dot 1-chua xuat hoa don	Vendor	22/03/2018	Nguyễn Văn Trực	200623	CS Thanh Long	VND	22/03/2018	9,750,
NTTDHVT1803-001	thanh toan dot 1	Vendor	22/03/2018	Worldsoft3	200623	CS Thanh Long	VND	22/03/2018	64,775,

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

- Mô hình: dữ liệu chung cho tất cả các Công ty con (mô hình multi company), chia sẻ dùng chung dữ liệu khách hàng, nhà thầu, nhà cung cấp, bộ tài khoản –tiểu khoản
- Xuất báo cáo tài chính riêng cho từng công ty con; tất cả sổ sách kế toán riêng theo từng company id
- Phân quyền công ty mẹ xem được tất cả dữ liệu kế toán của công ty con, công ty con chỉ truy xuất được dữ liệu của công ty con
- Cung cấp các báo cáo quản trị nội bộ

ERP Phân hệ quản lý kế toán tài chính

WORLDSOFT®

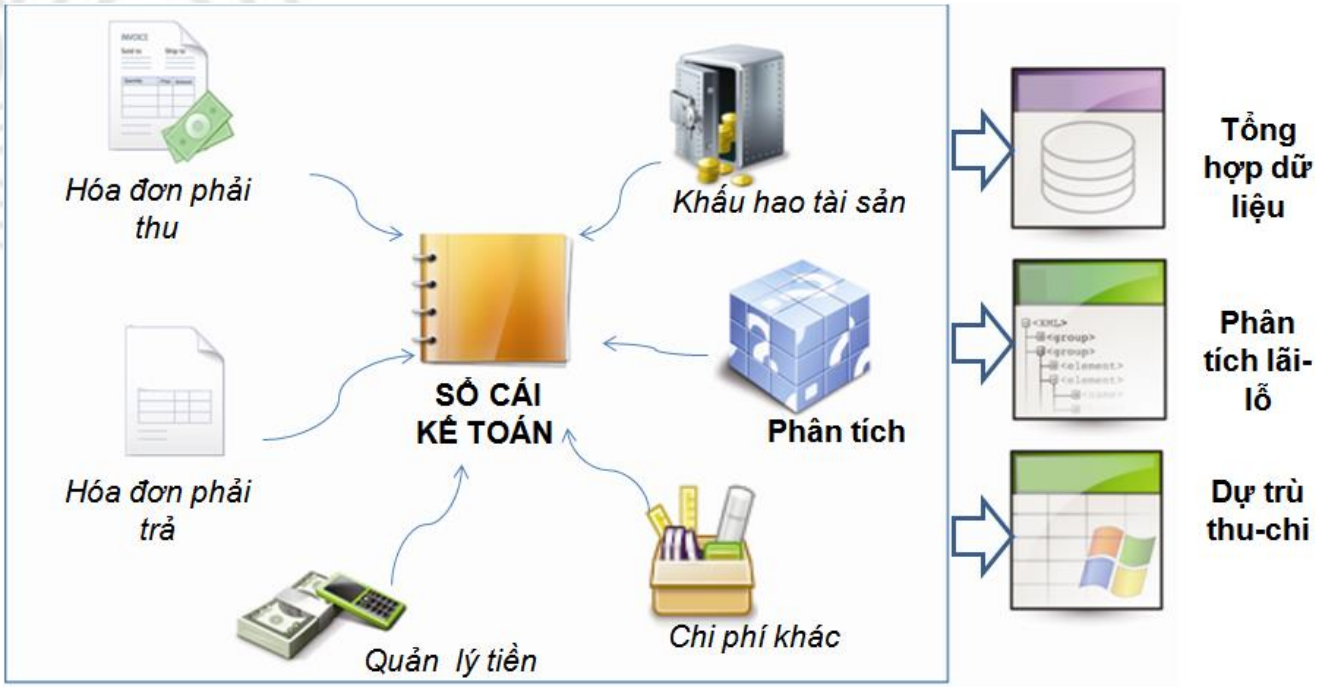

✓Tính giá thành chính xác theo từng dự án

✓ Giảm thiểu nhập liệu tại BP Kế toán;

✓Thông tin cập nhật xuyên suốt từ lúc lập đơn hàng đến khi nhập – xuất và hạch toán công nợ

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

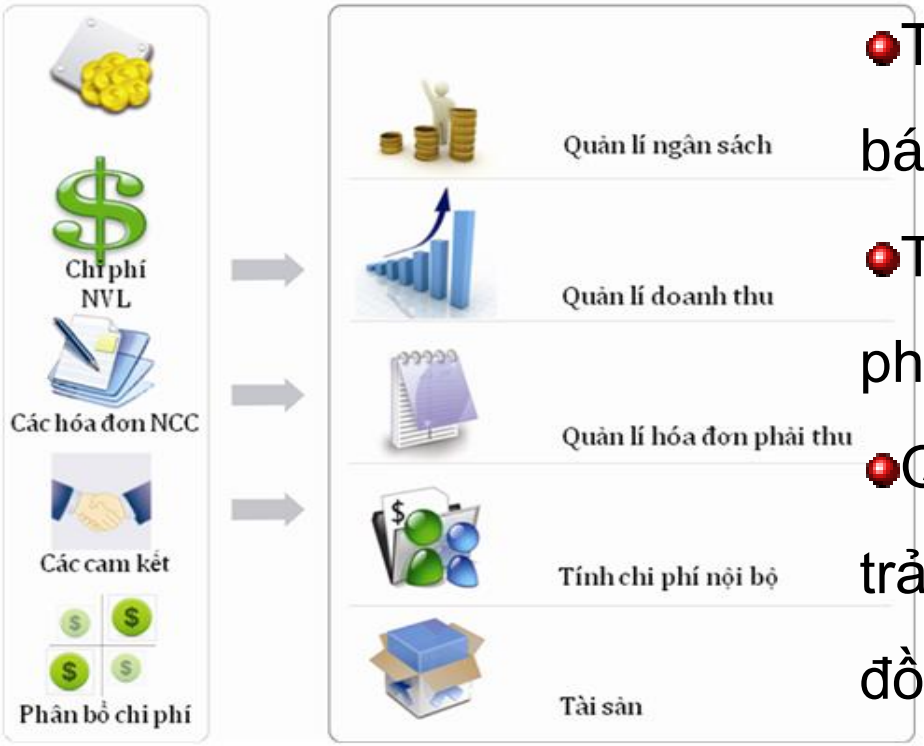

- Tập hợp doanh thu chi phí theo đơn hang bán hoặc theo sản phẩm
- Theo dõi chi phí theo từng phòng ban, bộ phận, khoản mục phí
- Quản lý công nợ phải thu, công nợ phải trả theo hai cấp chi tiết: khách hàng→ hợp đồng/đơn hàng
- Trích khấu hao TSCĐ, CCDC ,phân bổ chi phí trả trước dài hạn tự động

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

- Phân hệ kế toán cung cấp bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính công ty. Phân hệ này ghi nhận tất cả các giao dịch có liên quan đến kế toán được ghi nhận trực tiếp tại sổ cái hoặc được kết sổ từ các phân hệ khác và đảm bảo các dữ liệu này luôn luôn hoàn thiện, chính xác, và kịp thời.

- Dữ liệu phát sinh tại các phân hệ sản xuất, cung ứng vật tư, kho được chuyển về phân hệ kế toán theo thời gian thực. Vì vậy tại Nhật kí chứng từ hầu hết các bút toán đều được lấy dữ liệu tự động.

- Quản lý tài khoản kế toán: cho phép khai báo hệ thống tài khoản kế toán và chỉnh sửa linh hoạt.

- Theo dõi doanh thu/chi phí theo từng đơn hàng)

- Cung cấp tới bốn chiều thông tin Dimension để quản lý doanh thu/chi phí:

Customer code,
Revenue/cost code,
department code,
budget code

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

- Khả năng ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ và hỗ trợ người sử dụng xem được bút toán hạch toán với các loại tiền khác nhau: Loại tiền hạch toán (Local Currency), ngoại tệ (Foreign Currencey)

- Quản lý công nợ phải thu/phải trả chi tiết theo hai cấp: khách hàng/nhà cung cấp → chi tiết theo từng hợp đồng/đơn hàng

- Hỗ trợ các bút toán tự động phát sinh: bút toán kết chuyển doanh thu-chi phí, bút toán trích khấu hao, phân bổ chi phí trả trước

- Quản lý tài sản cố định (fixed asset) ghi nhận và quản lý các thông tin về tài sản (tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, tài sản xây dựng cơ bản dở dang cũng như các giao dịch liên quan đến tài sản.

- Quản lý quy trình tạm ứng –hoàn ứng-quyết toán tạm ứng;
- Cho phép tạo các mẫu báo cáo tài chính: cân đối phát sinh, kết quả hoạt động kinh doanh.

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

Chi tiết

Thông tin phiếu | File Upload | Work flow | Print

Công ty *	WS HCM-MEB	Loại phiếu *	OP - Chi khác	Ngày hạch toán *	25/01/2017
Số phiếu *	21-GN1701-0133	Số chứng từ *	VCB77/01	Ngày lập *	25/01/2017
Đối tượng *	-	☑ Đối tượng tự do	Công ty TNHH Kỹ Thuật Cơ Điện M.E.T	Người lập	Nguyen Hanh
Mã ngân hàng thụ hưởng	-	Tên ngân hàng thụ hưởng	-	Tài khoản thụ hưởng	-
Địa chỉ	-				
Loại tiền *	VNĐ	Tỷ giá *	1		
Attribute 1	-	Attribute 2	-	Attribute 3	-
Nội dung ***	TT giá trị bảo hành, HĐ VHKS/12/HĐTP-M.E.T/2014, CT VHKS				
Tài khoản tiền *	11210201	Tên tài khoản	Tiền gửi VND - NH VCB - CN HCM	Tài khoản ngân hàng	007.100.086.2773

Định khoản

Có lọc theo đối tượng cha? Yes

Nội dung ****	Số tiền	Số tiền ngoại tệ	RC Code	RC Code Name	TK Nợ	ĐT Nợ	Tên ĐT Nợ	VV Nợ	Tên VV Nợ
Tổng cộng	98,065,612	0							
giá trị bảo hành, HĐ VHKS/12/HĐTP-M.E.T/2014, CT VHKS	35,706,502	0	21	MEB	3311	21030087	CTy TNHH Kỹ Thuật Cơ Điện M.E.T - Công nợ 2016	2111411001000000	VĂN HOÁ KHÁCH SẠN (GĐ 01)
giá trị bảo hành, HĐ VHKS/03/HĐTP-M.E.T/2014, CT VHKS	62,359,110	0	21	MEB	3311	21030087	CTy TNHH Kỹ Thuật Cơ Điện M.E.T - Công nợ 2016	2111411001000000	VĂN HOÁ KHÁCH SẠN (GĐ 01)

Tên VV Nợ	TK Có	ĐT Có	Tên ĐT Có	VV Có	Tên VV Có	Budget Order	ĐTGTSX	Item Code	Item Code Name	Attribute	Tên Attribut
VĂN HOÁ KHÁCH SẠN (GĐ 01)	11210201	0071000862773	007.100.086.2773	2111411001000000	VĂN HOÁ KHÁCH SẠN (GĐ 01)	-	-	-	-	1501	BAN QUẢN DỰ ÁN
VĂN HOÁ KHÁCH SẠN (GĐ 01)	11210201	0071000862773	007.100.086.2773	2111411001000000	VĂN HOÁ KHÁCH SẠN (GĐ 01)	-	-	-	-	1501	BAN QUẢN DỰ ÁN

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

Định khoản

Có lọc theo đối tượng cha? Yes

VV Nợ	Tên VV Nợ	TK Có	ĐT Có	Tên ĐT Có	VV Có	Tên VV Có	Budget Order	Budget Order Name	Item Code	Item Code Name	Attribute	Tên Attribute
100000000000000	Chung MEB	1111	-	-	2100000000000000	Chung MEB	-	-	10911	Chi phí đi lại (xăng xe, taxi, đậu xe, gửi xe,...)	2300	PHÒNG BAN CHUNG

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

Công ty: WS HCM

Tài khoản(Chọn 1 tài khoản): 3311

Mã tiền tệ: VND

Đối tượng cấp 1(Chọn 1 đối tượng):

Từ ngày: 01/01/2017

Đến ngày: 31/01/2018

Chỉ xem đối tượng cấp 1

Xem | Kết xuất

Show 50 rows | Copy | Excel

Search:

Tài khoản	Mã ĐT cấp 1	Tên ĐT cấp 1	Mã ĐT cấp 2	Tên ĐT cấp 2	Mã tiền tệ	Số đầu kỳ		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
						Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
				Tổng cộng		6.075.479.910	145.528.509.748	337.207.639.602	354.658.224.080	7.694.601.106	164.598.215.422
3311	*020039*	*Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Hải Ngọc*			VND		1.226.018.638	2.125.792.637	1.831.566.462	692.923.179	1.624.715.642
			10020039	*Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Hải Ngọc*	VND			692.923.179		692.923.179	
			12020039	*Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Hải Ngọc - Công nợ 2016*	VND		410.321.170		627.000.667		1.037.321.837
			12110090039172-0011	*Đơn hàng: 12110090039172-0011()*	VND				10.128.311		10.128.311
			12110090039172-0013	*Đơn hàng: 12110090039172-0013()*	VND				27.817.450		27.817.450

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

Công ty: WS HCM

Tài khoản(Chọn 1 tài khoản): 3311

Mã tiền tệ: VND

Đối tượng cấp 1(Chọn 1 đối tượng):

Từ ngày: 01/01/2017

Đến ngày: 31/01/2018

Chỉ xem đối tượng cấp 1 ☑

Xem | Kết xuất

Show 50 rows | Copy | Excel

Search:

Tài khoản	Mã ĐT cấp 1	Tên ĐT cấp 1	Mã ĐT cấp 2	Tên ĐT cấp 2	Mã tiền tệ	Số đầu kỳ		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
						Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
				Tổng cộng		6.075.479.910	145.528.509.748	337.207.639.602	354.658.224.080	7.694.601.106	164.598.215.422
3311	020039	Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Hải Ngọc			VND		1.226.018.638	2.125.792.637	1.831.566.462	692.923.179	1.624.715.642
3311	020280	DNTN Thương Mại Kỹ Thuật Song Lợi			VND			40.140.100	40.140.100	40.140.100	40.140.100
3311	020613	Công ty TNHH Thiết Bị điện An Phúc			VND			20.970.400	20.970.400	20.970.400	20.970.400
3311	021009	Công Ty TNHH Nippovina			VND			52.264.623	52.264.623	52.264.623	52.264.623
3311	021286	Công Ty TNHH MTV TM Mút Xốp Nga Trần			VND			20.570.000	14.520.000	20.570.000	14.520.000
3311	021473	Công ty TNHH PWC (Việt Nam)			VND			155.210.000	222.420.000		67.210.000
3311	090109	Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình			VND			6.234.800	6.234.800		
3311	090186	Báo Thanh Niên			VND			14.850.000	14.850.000		

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

HELP | Pre | Next

Nghiệp vụ KT > Quy trình tạm ứng nhân viên > Phiếu Quyết Toán Tạm Ứng

Chi tiết

Thông tin phiếu | Print

Công ty (*)	WS HCM-MEB	Số phiếu (*)	21-QTCTU1709-0002
Đối tượng tạm ứng (*)	080510178	Ngày lập (*)	20/09/2017
Bộ phận	Hành chính (HO)	Người lập (*)	VI THANH MỸ
File đính kèm			
Nội dung ***	TT CP xăng xe 52X-1143, T07+08/2017, MEB		

Chi tiết

		Tổng cộng	8,000,000	10,978,000	2,978,000
STT	Số phiếu chi tạm ứng/ GBN	Nội dung	Số tiền thực chi [1]	Số tiền hoàn ứng [2]	Chênh lệch [2]-[1]
1	21-PC1707-0003	Tư CP xăng xe 52X- 1143, T07/2017+ CP đăng kiểm, đóng phí đường bộ.	6,000,000	10,978,000	4,978,000
2	21-PC1708-0003	TƯ tiền đổ xăng xe 52X- 1143, T08/2017	2,000,000	0	-2,000,000

Tạo thanh toán | Trở về

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

Công ty: WS HCM

- WS HCM
- MEB
- SRE
- ARC
- TRAINING

Từ ngày: 01/01/2017

Đến ngày: 31/03/2017

Xem | Kết xuất

Show All entries Search:

Đơn vị:Đồng

Mã hiệu	Nội dung	Số đầu kỳ		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Tổng cộng	1.045.730.870.103	1.045.730.870.103	2.721.615.690.258	2.721.615.690.258	1.035.558.587.355	1.035.558.587.355
⊟ 111	Tiền mặt	92.362.439		1.391.476.000	1.284.155.074	199.683.365	0
1111	Tiền Việt Nam	92.362.439		1.391.476.000	1.284.155.074	199.683.365	0
⊟ 112	Tiền gửi ngân hàng	16.192.409.951		700.599.022.448	674.698.235.666	42.093.196.733	0
1121	Tiền gửi VND	16.180.529.744		700.358.202.730	674.691.386.844	41.847.345.630	0
11210101	Tiền gửi VND - NH BIDV - CN HCM	994.149.707		191.171.016.297	180.641.694.609	11.523.471.395	0
11210105	Tiền gửi VND - NH BIDV - CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	99.577.672		14.146.750.256	9.800.055.000	4.446.272.928	0
11210201	Tiền gửi VND - NH VCB - CN HCM	3.726.181.017		151.519.094.382	139.670.525.329	15.574.750.070	0
11210301	Tiền gửi VND - VietinBank - CN 6 HCM	5.134.637.170		153.435.781.208	155.296.497.748	3.273.920.630	0
11210401	Tiền gửi VND - NH HSBC - CN HCM	375.130.946		24.937.814.197	25.037.181.752	275.763.391	0
11210501	Tiền gửi VND - NH VIB - CN Quận 1 HCM	382.267.475		122.349.064.188	121.703.542.000	1.027.789.663	0
11210601	Tiền gửi VND - NH Bản Việt - Hội sở	4.721.075		11.781	110.000	4.622.856	0
11210701	Tiền gửi VND - NH ACB - PGD Bến Chương Dương	447.929.776		20.336.916.891	20.000.676.000	784.170.667	0
11210702	Tiền gửi VND - NH ACB - CN Bến Thành	2.546.998.094		15.021.017.686	16.001.008.000	1.567.007.780	0
11210801	Tiền gửi VND - NH Quân Đội - CN Sài Gòn	7.239.502		5.375	165.000	7.079.877	0

ERP Phân hệ kế toán-tài chính

WORLDSOFT®

Thiết lập công thức cân đối kế toán

Thêm công thức | Đóng

Stt	Tên chỉ tiêu	Mã số	T.Minh	Công thức	T.Chất	In	Kiểu font	Dấu	P.Cấp	
6	1.2- Tiền gửi ngân hàng	111.2		112	no	K	0		6	Sửa | Xóa
7	1.3- Tiền đang chuyển	111.3		113	no	K	0		6	Sửa | Xóa
7	2. Các khoản tương đương tiền	112		112.1	no	C	1		4	Sửa | Xóa
9	2.1- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	112.1		12811	no	K	0		6	Sửa | Xóa
9	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		121+122+123	no	C	2		3	Sửa | Xóa
10	1. Chứng khoán kinh doanh	121		121	no	C	1		6	Sửa | Xóa
11	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		2291	co	C	1	-	6	Sửa | Xóa
12	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		123.1+123.2+123.3+123.4	no	C	1		4	Sửa | Xóa
14	3.1 Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	123.1		12812	no	K	0		6	Sửa | Xóa
15	3.2 Trái phiếu	123.2		1282	no	K	0		6	Sửa | Xóa
16	3.3 Cho vay	123.3		1283	no	K	0		6	Sửa | Xóa
17	3.4 Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	123.4		1284	no	K	0		6	Sửa | Xóa
17	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131+132+133+134+135+136+139	no	C	2		3	Sửa | Xóa

WS HCM | 01/01/2017 | 31/01/2018

Chọn tài khoản: 6427

Chọn vụ việc:

Loại tiền tệ: VNĐ

Xem | Kết xuất

Show 50 rows | Copy | Excel

Search:

Tài khoản	Mã vụ việc	Tên vụ việc	Số dư đầu kì		Số phát sinh		Số dư cuối kì	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Tổng cộng			0	0	8.176.353.057	8.176.353.057	2.242.949	0
6427-Chi phí dịch vụ mua ngoài								
	1100000000000000	Chung HO	0	0	6.474.343.743	6.474.343.743	0	0
	1200000000000000	Chung MEI	0	0	372.046.001	369.803.052	2.242.949	0
	1211611009000000	Garden gate	0	0	0	2.242.949	0	0
	1300000000000000	Chung MED	0	0	484.111.665	484.111.665	0	0
	1400000000000000	Chung MEP	0	0	79.478.454	79.478.454	0	0
	2100000000000000	Chung MEB	0	0	766.373.194	766.373.194	0	0
Tổng cộng			0	0	8.176.353.057	8.176.353.057	2.242.949	0

Showing 1 to 8 of 8 entries

Previous 1 Next

Trao đổi & Thảo luận

WORLDSOFT®

CÔNG TY CP THẾ GIỚI CN PHẦN MỀM

Địa chỉ:Nhà 2 , CVPM Quang Trung ,P.Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP HCM

VP kinh doanh : Tầng 7, Tòa nhà Thuận Việt, Số 40A-40B Út Tịch, P.4, Quận Tân Bình , TP HCM

Điện thoại : 08-38118337

Email : hanh.nguyen@worldsoftco.com

Website: www.worldsoft.com.vn